# PHỤ LỤC

- PHỤ LỤC I: CÁC VĂN BẢN PHÁP LÝ LIÊN QUAN
- PHỤ LỤC II: HỢP ĐỒNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI; HỢP ĐỒNG THU GOM, XỬ Ý CTR, CTNH
- PHỤ LỤC III: CÁC BẢNG CHỈ DẪN AN TOÀN HÓA CHẤT (MSDS)
- PHỤ LỤC IV: HÓA ĐƠN CHẤT THẢI; HÓA ĐƠN NƯỚC
- PHỤ LỤC V: PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH; VIMCERT
- PHỤ LỤC VI: BẢN VẼ LIÊN QUAN ĐẾN DỰ ÁN
- PHỤ LỤC VII: CÁC VĂN BẢN GỬI LẤY Ý KIẾN VÀ VĂN BẢN TRẢ LỜI CHO HỒ SƠ THAM VẤN

# PHỤ LỤC I: CÁC VĂN BẢN PHÁP LÝ LIÊN QUAN

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
**PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

# GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
# CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

**Mã số doanh nghiệp: 0304227309**

*Đăng ký lần đầu: ngày 17 tháng 10 năm 2005*

*Đăng ký thay đổi lần thứ: 8, ngày 06 tháng 07 năm 2022*

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH NIDEC VIỆT NAM CORPORATION

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NIDEC VIET NAM CORPORATION

Tên công ty viết tắt: NCVH

**2. Địa chỉ trụ sở chính**

*Lô I1-N2, Khu công nghệ cao, Phường Tân Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

Điện thoại: *08.37360074* Fax: *08.37360073*

Email: Website:

**3. Vốn điều lệ** 176.000.000.000 đồng

*Bằng chữ: Một trăm bảy mươi sáu tỷ đồng*

*tương đương 11.000.000 USD (Mười một triệu đô-la Mỹ)*

**4. Thông tin về chủ sở hữu**

Tên tổ chức: CÔNG TY NIDEC CORPORATION

Mã số doanh nghiệp/Quyết định thành lập số: *.1300-01002387*

Ngày cấp: *23/07/1973* Nơi cấp: *Nhật Bản*

Địa chỉ trụ sở chính: *338 Tonoshiro-cho, Kuze, Minami-ku, Kyoto, NHẬT BẢN*

**5. Người đại diện theo pháp luật của công ty**

* Họ và tên: SATO HIDEKAZU Giới tính: *Nam*

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: *12/03/1978* Dân tộc: Quốc tịch: *Nhật Bản*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Hộ chiếu nước ngoài*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *TZ1352055*

Ngày cấp: *28/03/2019* Nơi cấp: *Tổng lãnh sự quán Nhật Bản tại Thành phố Hồ Chí Minh*

Địa chỉ thường trú: *1001 ban-chi, Takakura-cho, Atsuta-ku, Thành phố Nagoya, Tỉnh Aichi, Nhật Bản, Nhật Bản*

Địa chỉ liên lạc: *Căn hộ số 302, 8A/C1 Thái Văn Lung, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

**TRƯỞNG PHÒNG**

Phó Trưởng Phòng

PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

**Võ Thành Thơ**

BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

# GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẦU TƯ

SỐ: 7675560175

NGÀY CẤP: 17/10/2005 (ĐC4: 08/8/2017)

| | |
|---|---|
| **BAN QUẢN LÝ**<br>**KHU CÔNG NGHỆ CAO**<br>**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

# GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Mã số dự án: **7675560175**

*Chứng nhận lần đầu: ngày 17 tháng 10 năm 2005*
*Chứng nhận thay đổi lần thứ 4: ngày 08 tháng 8 năm 2017*

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Công nghệ cao ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp ngày 03 tháng 6 năm 2008, Luật số 32/2013/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2008;

Căn cứ Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu ngày 14 tháng 6 năm 2016;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 99/2003/NĐ-CP ngày 28 tháng 08 năm 2003 của Chính phủ ban hành Quy chế Khu Công nghệ cao;

Căn cứ Quyết định số 19/2015/QĐ-TTg ngày 15 tháng 06 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về Quy định tiêu chí doanh nghiệp Công nghệ cao;

Căn cứ Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính Phủ về Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 145/2002/QĐ-TTg ngày 24 tháng 10 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 146/2002/QĐ-TTg ngày 24 tháng 10 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ thành lập Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 278/QĐ-UBND-TC ngày 11 tháng 8 năm 2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về bổ nhiệm lại chức vụ Trưởng ban Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ hồ sơ đăng ký hiệu đính Giấy Chứng nhận đăng ký đầu tư do Công ty TNHH Nidec Việt Nam Corporation nộp ngày 11/8/2017,

**BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO**
**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**Chứng nhận:**

Dự án đầu tư CÔNG TY TNHH NIDEC VIỆT NAM CORPORATION; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 7675560175 ngày 17/10/2005 (Điều chỉnh lần thứ 3 ngày 24/04/2014), đăng ký điều chỉnh tăng vốn đầu tư, tiến độ góp vốn và quy mô dự án đầu tư;

**Chứng nhận nhà đầu tư:**

1. Tên công ty: CÔNG TY NIDEC CORPORATION
2. Trụ sở chính: 338, Kuzetonoshiro-cho, Minami-ku, Kyoto-shi, Nhật Bản
3. Giấy phép thành lập: 1300-01-002387, cấp ngày 23 tháng 07 năm 1973
4. Đại diện pháp luật: Ông Shigenobu Nagamori- Chức vụ: Chủ tịch tập đoàn

**Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư:** CÔNG TY TNHH NIDEC VIỆT NAM CORPORATION, mã số doanh nghiệp/số GCNĐT/số quyết định thành lập: 0304227309 do Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 17/10/2005 được đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 14/6/2017 tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh.

Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung như sau:

**Điều 1: Nội dung dự án đầu tư**

1. Tên dự án đầu tư: CÔNG TY TNHH NIDEC VIỆT NAM CORPORATION

2. Địa điểm thực hiện dự án: Lô I1-N2, Khu công nghệ cao, Phường Tân Phú, Quận 9, thành phố Hồ Chí Minh; Diện tích đất sử dụng: 50.000 $m^2$

3. Mục tiêu và quy mô của dự án: 160.000.000 sản phẩm/năm, sản phẩm xuất khẩu 100% đến năm 2010.

4. Vốn đầu tư thực hiện dự án: 4.000.000.000.000 đồng Việt Nam, tương đương 200.000.000 đô la Mỹ. Trong đó:

a. Cơ cấu vốn:

- Vốn cố định: 118.059.235 USD
  + Nhà xưởng: 11.905.170 USD
  + Đất đai: 400.000 USD
  + Máy móc Thiết bị: 101.750.568 USD
  + Tài sản cố định khác: 4.003.497 USD
- Vốn lưu động: 81.940.765 USD

b. Tiến độ góp vốn

| Thời gian | Nguồn vốn | Số tiền (USD) |
|---|---|---|
| Tháng 3/2017 | Vốn cố định | 70.550.647 |
| | Vốn lưu động | 81.940.765 |
| Tháng 3/2018 | Vốn cố định | 24.000.000 |
| Tháng 3/2019 | Vốn cố định | 23.508.588 |
| **Tổng cộng** | | **200.000.000** |

5. Thời hạn hoạt động của dự án: 50 năm từ ngày 17/10/2005.

6. Tiến độ thực hiện dự án: Đã đi vào hoạt động

**Điều 2: Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư:**

a. Doanh nghiệp có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước Việt Nam:

- Thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm bằng 10% (mười phần trăm) thu nhập chịu thuế.

- Doanh nghiệp được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 (bốn) năm kể từ khi kinh doanh có lãi và được giảm 50 % (năm mươi phần trăm) số thuế phải nộp cho 9 (chín) năm tiếp theo.

- Doanh nghiệp được miễn 4 (bốn) năm và giảm 50% số thuế phải nộp cho 7 (bảy) năm tiếp theo đối với phần thu nhập tăng thêm do hoạt động có đầu tư mở rộng quy mô.

b. Dự án được miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu theo quy định tại Khoản 1 Điều 14 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu.

c. Tiếp tục hưởng những ưu đãi dành cho doanh nghiệp chế xuất mà doanh nghiệp đã được hưởng theo giấy phép đầu tư cho tới khi có quy định khác.

**Điều 3: Các điều kiện đối với nhà đầu tư:**

Dự án có trách nhiệm chấp hành các quy định của Luật Bảo vệ Môi trường và các văn bản pháp luật có liên quan đến việc thi hành bảo vệ môi trường;

Nhà đầu tư cam kết thực hiện đánh giá tác động môi trường trước khi đi vào hoạt động chính thức.

Dự án phải lưu ý áp dụng các biện pháp và phương án cụ thể đáp ứng các yêu cầu về phòng chống cháy nổ, an toàn lao động tại địa điểm thực hiện dự án theo quy định pháp luật hiện hành;

Việc xây dựng các công trình của dự án phải tuân thủ các quy định của Pháp luật Việt Nam và Ban Quản lý Khu Công nghệ cao về quy hoạch và xây dựng.

Việc tuyển dụng, đào tạo và sử dụng làm việc tại dự án phải tuân thủ các quy định của Bộ luật Lao động Việt Nam;

Dự án nhận chuyển giao công nghệ từ bên ngoài phải thực hiện theo đúng các quy định của Nhà nước Việt Nam về chuyển giao công nghệ;

Sản phẩm của dự án nếu tiêu thụ tại Việt Nam phải đăng ký chất lượng, nhãn hiệu hàng hóa, hợp chuẩn và phải chịu sự kiểm tra của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam;

Đối với lĩnh vực đầu tư có điều kiện, dự án phải đáp ứng điều kiện quy định của cơ quan quản lý chuyên ngành. Doanh nghiệp chỉ được thực hiện quyền xuất khẩu - nhập khẩu sau khi được cơ quan quản lý chuyên ngành cấp phép hoặc các giấy tờ có giá trị tương đương;

Dự án có trách nhiệm gửi báo cáo định kỳ hàng tháng, hàng quý, hàng năm về Ban Quản lý Khu Công nghệ cao các Biểu mẫu liên quan đến doanh nghiệp được quy định tại Thông tư số 04/2011/TT–BKHĐT ngày 31/3/2011 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định hệ thống biểu mẫu báo cáo thống kê cơ sở áp dụng đối với doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp và dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.

Doanh nghiệp có trách nhiệm thực hiện các quy định của Cơ quan Quản lý nhà nước khi có sự điều chỉnh quy hoạch về ngành nghề kinh doanh hoặc địa điểm hoạt động mua bán hàng hoá và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hoá;

Trong quá trình hoạt động, Nhà đầu tư phải chấp hành đúng các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam có liên quan đến lĩnh vực hoạt động và chịu sự kiểm tra, giám sát của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Dự án sẽ chấm dứt hoạt động theo quy định tại Điều 48 Luật Đầu tư, số 67/2014/QH13.

Trong trường hợp doanh nghiệp không thực hiện đúng nội dung dự án hoặc chậm triển khai dự án theo tiến độ và các nội dung đã cam kết (trừ trường hợp bất khả kháng hoặc có sự đồng ý bằng văn bản của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao), Ban quản lý Khu Công nghệ cao có quyền thu hồi Giấy Chứng nhận đăng ký đầu tư.

**Điều 4:** Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy chứng nhận đầu tư số 413043000022 ngày 17/10/2005 (Điều chỉnh lần thứ 3 ngày 24/4/2014).

**Điều 5:** Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này được lập thành 02 *(hai)* bản gốc; nhà đầu tư được cấp 01 bản và 01 bản lưu tại Cơ quan đăng ký đầu tư.

**BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO**
**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**
**TRƯỞNG BAN**

BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO T.P HỒ CHÍ MINH

**Lê Hoài Quốc**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# GIẤY CHỨNG NHẬN
## QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
## QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

**. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất**

**CÔNG TY TNHH NIDEC VIỆT NAM CORPORATION**
Giấy chứng nhận đầu tư số 413043000022 do Ban Quản lý Khu công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh cấp; chứng nhận lần đầu ngày 17/10/2005, chứng nhận thay đổi lần thứ 2 ngày 07/7/2010.
Địa chỉ trụ sở: Lô I1-N2, Khu công nghệ cao, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh.

BB 971699

**II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất**

***1. Thửa đất***

a) Thửa đất số: 43, 69 và 42, tờ bản đồ số: 54, 57 và 58 (Theo tài liệu đo năm 2003)

b) Địa chỉ: phường Tân Phú, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh.

c) Diện tích: 50.214,1 m² (bằng chữ: Năm mươi ngàn hai trăm mười bốn phẩy một mét vuông).

d) Hình thức sử dụng: riêng: 50.214,1 m², chung: không m².

đ) Mục đích sử dụng: Đất trong khu công nghệ cao.

(xây dựng xưởng sản xuất và kinh doanh các linh kiện và mô tơ nhỏ chính xác cao).

e) Thời hạn sử dụng: 50 năm, kể từ ngày 17/10/2005.

g) Nguồn gốc sử dụng: Thuê lại đất trong khu công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh.

Hợp đồng thuê đất số 08/HĐTĐ/KCNC-2005 ngày 21/11/2005.

***2. Nhà ở:*** -/-

***3. Công trình xây dựng khác:*** -/-

***4. Rừng sản xuất là rừng trồng:*** -/-

***5. Cây lâu năm:*** -/-

***6. Ghi chú:*** Không.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 02 năm 2011

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TP. HỒ CHÍ MINH**

**TUQ. CHỦ TỊCH**

**GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

**Đào Anh Kiệt**

**Số vào sổ cấp GCN:** CT05262

## I. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

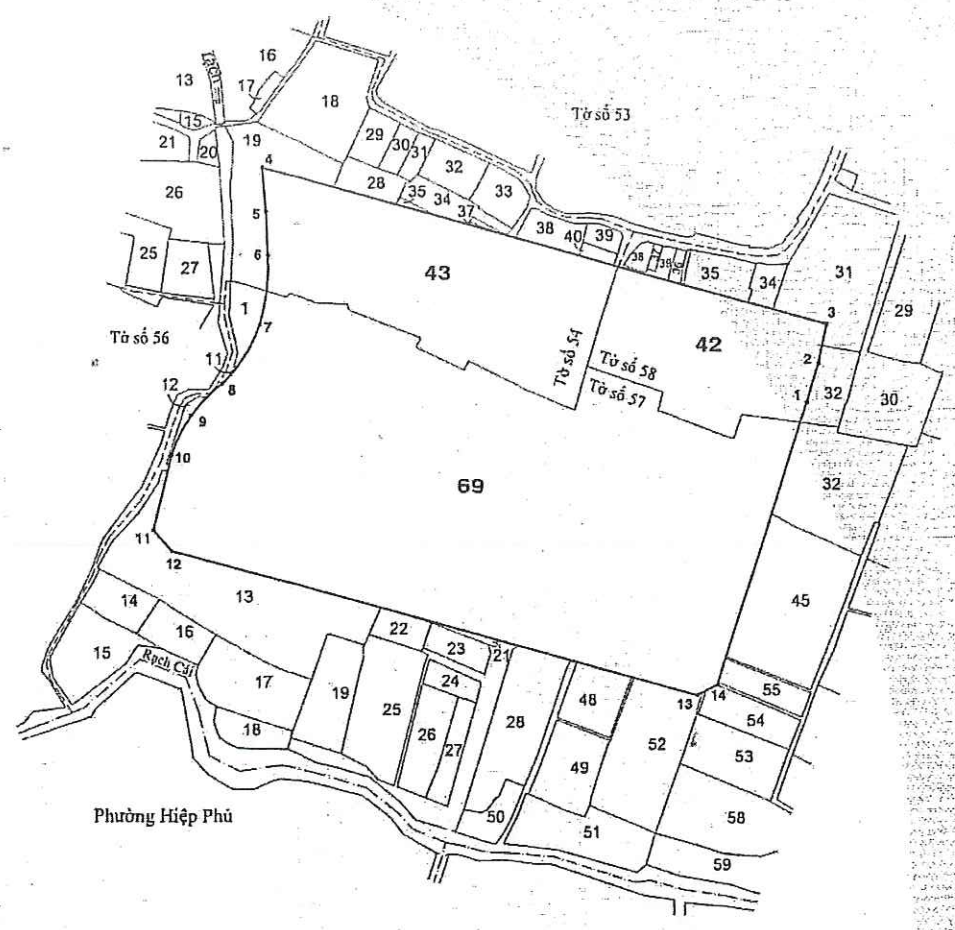


BẢNG LIỆT KÊ TỌA ĐỘ GÓC RANH

| Số hiệu điểm | Tọa độ X(m) | Tọa độ Y(m) | Cạnh |
|---|---|---|---|
| 1 | 1200652.60 | 614125.97 | |
| 2 | 1200670.78 | 614131.10 | |
| 3 | 1200689.21 | 614135.21 | 279.57 |
| 4 | 1200761.50 | 613865.15 | |
| 5 | 1200740.84 | 613866.69 | |
| 6 | 1200720.18 | 613868.35 | |
| 7 | 1200687.77 | 613864.24 | |
| 8 | 1200660.06 | 613846.94 | |
| 9 | 1200645.12 | 613832.32 | |
| 10 | 1200626.28 | 613823.26 | |
| 11 | 1200590.90 | 613814.59 | 36.43 |
| 12 | 1200581.26 | 613823.56 | 13.17 |
| 13 | 1200514.16 | 614074.70 | 259.95 |
| 14 | 1200519.09 | 614084.06 | 10.58 |
| 1 | 1200652.60 | 614125.97 | 139.93 |

Tỉ lệ: 1/4000

Phần chi tiết xem Bản đồ hiện trạng vị trí số 20762 -1/GĐ-TNMT do Sở Tài nguyên và Môi trường duyệt ngày 24/10/2005

## IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

| Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý | Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền |
|---|---|
| | |

| Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý | Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền |
| --- | --- |
| | |

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.

79 26836 11 000005

| | |
|---|---|
| ỦY BAN NHÂN DÂN<br>THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH<br>----------<br>BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO<br>Số: 01/GPXD/QHXD-KCNC | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập – Tự do – Hạnh phúc<br>---------- |

CÔNG TY TNHH NIDEC VIỆT NAM CORPORATION M.S.D.N: 0304227309-C.T.T.N.H.H

# GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

1. Cấp cho : **Công ty TNHH Nidec Viêt Nam Corporation.**
2. Trụ sở : Lô I1 – Nidec II. Khu công nghệ cao - Quận 9 - TP.HCM.

   Được phép xây dựng công trình: **NHÀ XƯỞNG A (giai đoạn 1).**
3. Theo thiết kế có ký hiệu:
   - **Kiến trúc**: G00-01, G00-02, A0101; A0102, A0103, A0104, A0201, A0301, A0401, A0501, A0601. Do Công ty TNHH Xây Dựng Việt Long thiết lập.
   - **Kết cấu**: S0101 đến S0107, S0109 đến S0114, S0119 đến S0121, S0131, T0100, T0200, T0201, T0300, T0400, T0401. Do Công ty TNHH Xây Dựng Việt Long thiết lập.
4. Gồm các hạng mục sau đây và theo thiết kế:

**4.1 Nhà xưởng A** – giai đoạn 1 (02 tầng). Theo các bản vẽ: G00-01, G00-02, A0101; A0102, A0103, A0104, , A0301, A0401, A0501, A0601; S0101 đến S0107, S0109 đến S0114, S0119 đến S0121, S0131, T0100, T0200, T0201, T0300, T0400, T0401. Chiều cao từ sàn hoàn thiện tới đỉnh mái: 17,5m. Có kết cấu khung, cột bằng bêtông cốt thép (BTCT), dầm sàn BTCT đúc sẵn lắp ghép dạng nhà công nghiệp có dầm cầu chạy treo cần trục tải trọng 1,5 tấn. Tường vách bằng xà gồ vách tole, mái lợp tole màu, khung kèo, giằng thép, sàn nền BTCT trên hệ móng cọc BTCT.

- **Diện tích xây dựng:**

**Trệt:** (15,2x90,2) + (125,3x90,2) + (125,3x15,1) = **14.565,13 m²** (1)

**Lầu 1:** (30,1x16,9)+(33,2x10)+(82x90,2)+(2x99,6)+(2,5x25,4) = **8.499,79 m²** (2)

**Tổng diện tích sàn xây dựng Nhà xưởng A:**

(1) + (2) = **14.565,13 m² + 8.499,79 m² = 23.064,92 m²** (I)

**4.2 Nhà xe 2 bánh - giai đoạn 1:** (01 tầng), theo bản vẽ A0201. Chiều cao từ sàn hoàn thiện tới đỉnh mái: 4,8m. Kết cấu cột thép ∅114, khung kèo thép, mái lợp tole. Nền nhà xe sàn BTCT.

- **Diện tích xây dựng:** (25,2x19,2) + (10x20) = **683,84 m²** (II)

**4.3 Nhà xe ôtô 4 bánh - giai đoạn 1** (01 tầng): theo bản vẽ A0301. Chiều cao từ sàn hoàn thiện tới đỉnh mái: 3,63m. Kết cấu cột thép ∅114, khung kèo thép, mái lợp tole. Nền nhà xe sàn BTCT.

- **Diện tích xây dựng:** (18,8x6,2) = **116,56 m²** (III)

**4.4 Nhà bảo vệ** (01 tầng): chiều cao từ sàn hoàn thiện tới đỉnh mái: 3,4m. Kết cấu BTCT. Tường xây gạch, mái bằng BTCT. Nền nhà sàn BTCT.

- **Diện tích xây dựng:** (9,65x4,25) = **41,01 m²** (IV)

+ Tổng diện tích sàn xây dựng: (I) + (II) + (III) + (IV)

**23.064,92m²+ 683,84m²+116,56m²+ 41,01m² = 23.906,33 m².**

4.5 **Hạng mục Cấp thoát Nước:** Theo các bản vẽ: SW0001, SW0101, SW0102, SW0102A, SW0102, SW0002A, SW0002B, SW0003, SW0104, SW0105, SW0106, SW0107. Do Công ty TNHH Xây Dựng Việt Long thiết lập.

4.6 **Hạng mục Cấp nước PCCC:** Theo các bản vẽ: PCCC010105, PCCC0205, PCCC0305, PCCC0405, PCCC0505 (bao gồm Mặt bằng chống sét. Do Công ty TNHH Tân Độ Lan thiết lập.

4.7 **Hạng mục Điện:** Theo các bản vẽ: E01 đến E03; E03-2; E04 đến E015; E015-1; E16 đến E26. Do Công ty TNHH Vina Kinden thiết lập (bao gồm hệ thống chống sét).

- Trên lô đất: I1 - Nidec II. Diện tích: 52.141m$^2$ - Khu công nghệ cao - Q.9 - TP.HCM.
- Cao độ nền: Cao hơn cốt san nền (theo thiết kế san lấp của khu đất) tối thiểu 0,3m. Cốt san lấp của khu đất là cốt theo hệ toạ độ VN-2000 từ +3,3m đến +3,6m.
- Chỉ giới xây dựng (khoảng lùi): cách ranh đất 15m (mặt tiền đường nội bộ lộ giới 24m) và 20m (mặt tiền đường D1 lộ giới 50m).

5. Giấy tờ về quyền sử dụng đất: Hợp đồng thuê đất số 08/HĐTĐ/KCNC-2005 ngày 21/11/2005.
6. Thời gian hoàn thành công trình dự kiến là 12 tháng, kể từ ngày khởi công xây dựng.
7. Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp giấy phép xây dựng, quá thời hạn trên thì Chủ đầu tư phải xin gia hạn.

TP.HCM, ngày 02 tháng 01 năm 2006.

**TRƯỞNG BAN**

**Phạm Chánh Trực**

**Nơi nhận:**
- Như trên;
- UBND P.Tân Phú A-Q.9; (Bản sao để biết);
- Lưu.

**Những điều cần lưu ý:**

1. Chủ đầu tư phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của người có liên quan.

2. Chủ đầu tư phải thực hiện các điều sau đây:
   - Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật vè đất đai, về quy hoạch, về xây dựng và giấy phép xây dựng này.
   - Tổ chức cùng với đơn vị tư vấn thiết kế, nhà thầu xây dựng kiểm tra, lập biên bản kiểm tra định vị móng, công trình ngầm, xác định cốt xây dựng.
   - Thông báo ngày khởi công cho UBND phường nơi xây dựng công trình trong thời hạn 7 ngày trước khi khởi công xây dựng và treo biển báo công trình xây dựng tại công trường thi công.
   - Khi cần thay đổi thiết kế phải báo cáo và chờ quyết định của cơ quan cấp giấy phép xây dựng.
   - Trong thời hạn 12 tháng sau khi xây dựng hoàn thành, chủ đầu tư, nhà thầu xây dựng, tư vấn thiết kế tổ chức lập biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng. Giấy phép xây dựng kèm theo biên bản nghiệm htu hoàn thành công trình xây dựng mới có giá trị đăng ký quyền sở hữu công trình.

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CÔNG TY TNHH NIDEC VIỆT NAM CORPORATION
M.S.D.N: 0304227309-C.T.T.N.H.H
TP. THỦ ĐỨC - TP. HỒ CHÍ MINH

# GIẤY PHÉP XÂY DỰNG 建築許可書

Số: 11 /KCNC-GPXD (GIAI ĐOẠN II)

| | |
|---|---|
| Xây dựng mới | X |
| Cải tạo, sửa chữa | |

1. Cấp cho : **Công ty TNHH Nidec Việt Nam Corporation**
2. Trụ sở : Lô I -1c đường D1, Khu công nghệ cao - q.9. Tp.HCM.
   Địa chỉ liên lạc : Lô I -1c đường D1, Khu công nghệ cao - q.9. Tp.HCM.
   Điện thoại : (84-8)37360074 ; Fax: (84-8)37360073.
3. Được phép xây dựng công trình:

**Nhà máy Nidec Việt Nam .** (Giai đoạn 2).

Theo bản vẽ thiết kế có ký hiệu:

+ Kiến trúc: - Kiến trúc có dạng nhà xưởng, nhà căn tin.

- Theo thiết kế có ký hiệu như sau: (10 bản vẽ) ; NDV-AR-01-0 ; NDV-AR-01-02; NDV-AR-01-03; NDV-AR-01-04; NDV-AR-01-05; NDV-AR-02-01; NDV-AR-02-02; NDV-AR-03-01; NDV-AR-04-01; NDV-AR-04-02 (ngày 22/9/2008);

+ Kết cấu: - Móng: beton cốt thép; cột: btct; khung, sàn: beton cốt thép ; kèo: thép; mái: btct và mái tole, tường: xây gạch.

- Theo thiết kế có ký hiệu như sau: NDV-SC-01-01; NDV-SC-01-02; NDV-SC-01-03; NDV-SC-01-04; NDV-SC-01-05; NDV-SC-01-06; NDV-SC-01-07; NDV-SC-01-08; NDV-SC-01-09; NDV-SC-01-10; NDV-SC-01-11; NDV-SC-01-12; NDV-SC-01-13; NDV-SS-01-01-00; NDV-SS-01-02-00; NDV-SS-01-03-00; NDV-SS-01-02-01; NDV-SS-01-02-02; NDV-SS-03-01-00; NDV-SS-01-02-03; NDV-WA-01-01; NDV-WA-01-02; NDV-SC-02-01; NDV-SC-02-02; NDV-SC-02-03; NDV-SC-02-04; NDV-SC-02-05; NDV-SC-02-06; NDV-SC-02-07; NDV-SC-02-08; NDV-WA-00-04; (31 bản vẽ, ngày 22/9/2008);

+ Cấp điện : NDV-E-01; NDV-E-02-1; NDV-E-02-2; NDV-E-02-3; NDV-E-02-4; NDV-E-02-5; NDV-E-02-6; NDV-E-02-7; NDV-E-02-8; NDV-E- 02-9; NDV-E-02-10 (11 bản vẽ, ngày 22 /9/2008);

+ Cấp nước : - Theo thiết kế có ký hiệu như sau :NDV-WA-00-03; (01 bản vẽ, ngày 22/9/2008);

+ Thoát nước: - Theo thiết kế có ký hiệu như sau: NDV-WA-00-01; NDV-WA-00-0 (02 bản vẽ, ngày 22/9/2008);

+ Giao thông : - Theo thiết kế có ký hiệu như sau: NDV-GL-00-02 (01 bản vẽ, ngày 22/9/2008).

Do Công ty Cổ phần Xây dựng Việt Long thiết lập.

*Gồm các nội dung sau đây:*

+ **Diện tích xây dựng:** = 9.001,13 $m^2$.

+ **Tổng diện tích sàn xây dựng** = 17.429,50 $m^2$.

+ **Chiều cao công trình:**

1. Nhà xưởng B : cao 16,92m (so với cốt nền hoàn thiện); số tầng: 02;
2. Căn tin : cao 13,85m (so với cốt nền hoàn thiện); số tầng: 02;
3. Nhà bảo vệ 1 : cao 3,2m (so với cốt nền hoàn thiện); số tầng: 01;
4. Nhà xe 2 bánh : cao 2,85m (so với cốt nền hoàn thiện); số tầng: 01;

Cửa cổng và hàng rào: 02 cửa cổng, hàng rào cao 2,0m (so với cốt nền hoàn thiện).

+ **Diện tích xây dựng cây xanh** = **13.906,15 $m^2$.**

+ **Diện tích xây dựng giao thông sân bãi** = **11.187,56 $m^2$.**

+ **Trên lô đất:** Thuộc I-1c (Lô I1-N2).Diện tích: **50.214,10 $m^2$**. Khu công nghệ cao TP.HCM.

+ **Cốt nền xây dựng công trình:**

- Cốt nền hoàn thiện kiến trúc + 0.000 của tầng 01(tầng trệt) tương đương cốt cao độ + 5.350 (theo hệ cao độ quốc gia).
- Các cốt hoàn thiện mái các hạng mục công trình: Đều căn cứ và dựa trên cốt nền hoàn thiện tầng 01.

+ **Chỉ giới xây dựng (khoảng lùi):** Chỉ giới xây dựng đường D1 = 20m; chỉ giới xây dựng mặt tiếp giáp với thủy giới Suối Gò Cát = 01 m; Cách các ranh khu đất khác 05m.

+ **Màu sắc công trình:** Màu sáng phù hợp hài hoà với cảnh quan kiến trúc chung.

4. Giấy tờ về quyền sử dụng đất: Hợp đồng thuê đất số 08/HĐTĐ/KCNC-2005 ngày 21/11/2005.
5. Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 01 năm kể từ ngày cấp; trước thời hạn giấy phép hết hiệu lực thì phải xin gia hạn giấy phép.

*Nơi nhận:*
- Như Điểm 1;
- UBND phường Tân Phú Q.9; (Bản sao để biết);
- P.QHXDMT;
- Đội Bảo vệ (để biết);
- Lưu VP./. (5)

*TP.HCM, ngày 01 tháng 12 năm 2008*

**KT.TRƯỞNG BAN**

**PHÓ TRƯỞNG BAN**

(Theo đề nghị của P.QHXDMT tại BC số 12 /BCTT-QHXDMT ngày 01/12/2008).

**Lê Quang Trung**

| | |
|---|---|
| UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH<br>BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO<br>THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
| Số:02/GPCT | *Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 4 năm 2015* |

CÔNG TY TNHH NIDEC VIỆT NAM CORPORATION

# GIẤY PHÉP CẢI TẠO CÔNG TRÌNH

1. Cấp cho: Công ty TNHH Nidec Việt Nam Corporation

- Địa chỉ liên hệ: Lô I1-N2, Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh, Quận 9.
- Người đại diện: Ông Masahiko Miyano. Chức vụ: Tổng Giám đốc

2. Hiện trạng công trình:

- Lô đất số: Lô I1-N2, Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh, Quận 9.
- Diện tích: 50.214,1 $m^2$.
- Loại công trình: Công nghiệp. Cấp công trình: Cấp 2
- Diện tích xây dựng giai đoạn I: 15.406,54 $m^2$
- Tổng diện tích sàn xây dựng: 23.906,33 $m^2$
- Số tầng: 02

3. Được phép cải tạo với nội dung sau:

+ Phá dỡ vách ngăn giữa Kho dầu và Nhà rác hiện hữu làm Kho dầu mở rộng.

+ Cải tạo một phần Nhà xe 2 bánh làm Nhà rác.

- Theo 02 bản vẽ thiết kế có ký hiệu: NDV-AR-00-01; NDV-AR-01-01
- Do Công ty TNHH Xây dựng Việt Long lập tháng 01/2015.
- Loại công trình: Công nghiệp. Cấp công trình: Cấp 4
- Diện tích cải tạo: 108,1$m^2$; trong đó:

+ Nhà rác: 37,6 $m^2$

+ Kho dầu: 70,5$m^2$

- Chiều cao công trình: 3,65m
- Số tầng: 01
- Các nội dung khác: Công ty TNHH Nidec Việt Nam Corporation có trách nhiệm triển khai cải tạo công trình tuân thủ Giấy chứng nhận thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy số 258/CN-PCCC-P2 ngày 04/3/2015 của Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Giấy tờ về quyền sử dụng đất: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 971699. Số vào sổ cấp GCN: CT 05262 ngày 15/02/2011 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp.

5. Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên thì phải đề nghị gia hạn giấy phép./.

*Nơi nhận:*
- Như Mục 1;
- Đội Thanh tra địa bàn Quận 9 (bản sao);
- UBND Phường Tân Phú, Quận 9 (bản sao);
- Lưu: VT, P.QHXDMT.

KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN

Lê Thành Đại

## CHỦ ĐẦU TƯ PHẢI THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SAU ĐÂY:

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liền kề.

2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai về đầu tư xây dựng và Giấy phép cải tạo này.

3. Xuất trình Giấy phép cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền trước khi khởi công xây dựng.

5. Khi điều chỉnh thiết kế làm thay đổi nội dung giấy phép cải tạo thì phải đề nghị điều chỉnh giấy phép và chờ quyết định của cơ quan cấp giấy phép xây dựng.

Công ty CP XD
VIỆT LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Số: 32VL/05.2010/09NIDG2_00 -------***-------

# BIÊN BẢN NGHIỆM THU VÀ BÀN GIAO CÔNG TRÌNH

**Công trình** : **NHÀ MÁY NIDEC VIỆT NAM – GIAI ĐOẠN 2 – GÓI SỐ 2**
**Hạng mục** : **Thi công các công tác kết cấu của Nhà máy và Canteen; Các công tác bên ngoài và Thiết bị của nhà máy.**
**Địa điểm** : **Khu Công Nghệ Cao TP.HCM**

Hôm nay, ngày tháng năm 2010, chúng tôi gồm có:

**Đại diện Chủ Đầu Tư** : **CÔNG TY TNHH NIDEC VIỆT NAM CORPORATION**
- Ông **KUNIO TSUCHIDA** – Tổng Giám Đốc

**Đại diện Nhận Thầu** : **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VIỆT LONG**
- Ông **HUỲNH NGỌC TRIỂN** – Tổng Giám Đốc

**Đại diện tổ chức thiết kế** : **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VIỆT LONG**
- Ông **NGUYỄN NGỌC DANH**– Chủ nhiệm đồ án
- Ông **DƯƠNG QUÝ ANH** – Chủ trì kết cấu

Sau khi kiểm tra thực tế tại hiện trường, các bên cùng thống nhất những ý kiến sau:

## I. HẠNG MỤC THI CÔNG (Theo Hợp Đồng số 09/VLC/HĐ.20/09NDG2_00)

1. Công tác kết cấu của nhà máy chính.
2. Công tác kết cấu của Canteen
3. Hành lang nối từ nhà máy mới tới nhà máy hiện hữu.
4. Mái che bằng thép.
5. Sân bêtông cho nhà để xe hai bánh
6. Nhà bảo vệ
7. Hệ thống cung cấp nước
8. Các công tác phát sinh của Nhà máy số 1
9. Các công tác còn lại của Gói số 1.
10. Thang máy (2 Tấn, 2 cái, Việt Nam)
11. Thang tải hàng (300kg, 1 cái, Việt Nam)
12. Dock Leveler (3 Tấn, 3 cái, Việt Nam)

## II. KẾT LUẬN

- Các hạng mục đã được xây dựng hoàn thành theo đúng yêu cầu của Chủ Đầu Tư, đạt yêu cầu kỹ thuật.
- Bên thi công bàn giao các hạng mục của Gói số 2 cho Chủ Đầu Tư.
- Biên bản này được lập thành 06 (sáu) bản, 04 (bốn) bản tiếng Việt, 02 (hai) bản tiếng Anh, mỗi bên giữ 03 (ba) bản có giá trị ngang nhau.

| ĐD CHỦ ĐẦU TƯ | ĐD ĐV THIẾT KẾ | ĐD BÊN THI CÔNG |
|---|---|---|

| | |
|---|---|
| **Công ty CP XD VIỆT LONG** | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc |

Số : 33VL/05.2010/09NIDG2_G35 -------***-------

# BIÊN BẢN NGHIỆM THU VÀ BÀN GIAO CÔNG TRÌNH

**Công trình** : **NHÀ MÁY NIDEC VIỆT NAM – GIAI ĐOẠN 2 – GÓI SỐ 03 và SỐ 05**
**Hạng mục** : **Thi công các công tác hoàn thiện của Nhà máy, Canteen, Các công tác bên ngoài Nhà máy của Gói số 03; Các công tác phát sinh của Gói số 05**
**Địa điểm** : **Khu Công Nghệ Cao TP.HCM**

Hôm nay, ngày tháng năm 2010, chúng tôi gồm có:

**Đại diện Chủ Đầu Tư** : **CÔNG TY TNHH NIDEC VIỆT NAM CORPORATION**
- Ông **KUNIO TSUCHIDA** – Tổng Giám Đốc

**Đại diện Nhận Thầu** : **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VIỆT LONG**
- Ông **HUỲNH NGỌC TRIỂN** – Tổng Giám Đốc

**Đại diện tổ chức thiết kế** : **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VIỆT LONG**
- Ông **NGUYỄN NGỌC DANH**– Chủ nhiệm đồ án
- Ông **DƯƠNG QUÝ ANH** – Chủ trì kết cấu

Sau khi kiểm tra thực tế, các bên cùng thống nhất những ý kiến sau:

## I. HẠNG MỤC THI CÔNG (Theo Hợp Đồng số 09/VLC/HĐ.22/09NDG2_G35)

**A. GÓI SỐ 03 :**

1. Công tác hoàn thiện của Nhà xưởng chính.
2. Công tác hoàn thiện của Canteen
3. Nhà bảo vệ
4. Hàng rào mới và Cổng (01 cái)
5. Đường nội bộ (5600 $m^2$) cho giai đoạn 2
6. Bể nước ngầm và Bồn inox 12 $m^3$
7. Hệ thống chữa cháy (Hệ thống báo cháy không nằm trong báo giá này)

**B. GÓI SỐ 05 :**

1. Bãi đậu xe với mái dây leo
2. Nhà rác
3. Cải thiện môi trường số 1 : trao đổi khí tươi để tiết kiệm điện
4. Cải thiện môi trường số 2 : hệ thống thông thoáng trên lầu (lầu 2)

## II. KẾT LUẬN

- Các hạng mục đã được xây dựng hoàn thành theo đúng yêu cầu của Chủ Đầu Tư, đạt yêu cầu kỹ thuật.
- Bên thi công bàn giao các hạng mục của Gói số 3 và Gói số 5 cho Chủ Đầu Tư.
- Biên bản này được lập thành 06 (sáu) bản, 04 (bốn) bản tiếng Việt, 02 (hai) bản tiếng Anh, mỗi bên giữ 03 (ba) bản có giá trị ngang nhau.

| ĐD CHỦ ĐẦU TƯ | ĐD ĐV THIẾT KẾ | ĐD BÊN THI CÔNG |
|---|---|---|

| | |
|---|---|
| ỦY BAN NHÂN DÂN<br>THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH<br>**BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Số: ..94..../QĐ-KCNC | *TP.Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 10 năm 2008* |

# QUYẾT ĐỊNH

**Về phê duyệt điều chỉnh đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng TL 1/500 dự án công trình**

**NHÀ MÁY NIDEC VIỆT NAM**

(Do Công ty TNHH Nidec Việt Nam Corporation làm Chủ đầu tư).

**TRƯỞNG BAN**
**BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24/01/2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 145/2002/QĐ-TTg ngày 24/10/2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Khu công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 146/2002/QĐ-TTg ngày 24/10/2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Quản lý Khu công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 07/2008/TT-BXD ngày 07/4/2008 của Bộ Xây Dựng về hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 2525/QĐ-UB ngày 09/7/2003 của Ủy ban nhân dân TP.HCM về phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết Khu công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn I;

Căn cứ Quyết định số 1028/QĐ-UBND ngày 16/3/2007 của Ủy ban nhân dân TP.HCM về phê duyệt điều chỉnh đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh - giai đoạn I và Quyết định số 2276/QĐ-UBND ngày 26/5/2008 về phê duyệt bổ sung điều chỉnh đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghệ cao - Giai đoạn I có liên quan hạ tầng ngầm theo Nghị định số 41/2007/NĐ-CP ngày 22/3/2007 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 137/2005/QĐ-UBND ngày 02/8/2005 của Ủy ban nhân dân TP.HCM về thẩm quyền thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị và quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn;

Căn cứ Giấy phép đầu tư số 07/GP-KCNC-HCM ngày 17/10/2005; Giấy chứng nhận đầu tư số 413043000022 chứng nhận thay đổi lần thứ nhất ngày 30/6/2005 do Ban quản lý KCNC cấp;

Căn cứ Hợp đồng thuê đất số 08 /HĐTĐ/KCNC-2005 ngày 21/11/2005;

Căn cứ Quyết định số 86/QĐ-KCNC ngày 30/12/2005 của Trưởng ban Ban quản lý Khu công nghệ cao về phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng công trình tỷ lệ 1/500 Nhà máy Nidec Việt Nam;

Xét văn bản đề nghị thẩm định, phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 dự án xây dựng công trình Nhà máy Nidec Việt Nam ngày 11/9/2008 đính kèm hồ sơ bản vẽ do Công ty Cổ phần Xây dựng Việt Long lập ngày 10/9/2008;

Theo đề nghị của Phòng Quản lý Quy hoạch Xây dựng và Môi trường tại báo cáo thẩm định số 07/BC-QHXDMT ngày 26/09/2008.

## QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1** – Phê duyệt điều chỉnh đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 dự án công trình Nhà máy Nidec Việt Nam tại Khu Công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh theo bộ hồ sơ đính kèm do Cổ phần Xây dựng Việt Long lập ngày 10/9/2008 gồm: Bản đồ vị trí và giới hạn khu đất (Số hiệu bản vẽ: NDV-QH-01); Bản đồ chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng (Số hiệu bản vẽ: NDV-QH-02); Bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất (Số hiệu bản vẽ: NDV-QH-03); Bản đồ tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan (Số hiệu bản vẽ: NDV-QH-04); Bản đồ quy hoạch giao thông (Số hiệu bản vẽ: NDV-QH-05); Bản đồ quy hoạch cấp điện (Số hiệu bản vẽ: NDV-QH-15); Bản đồ quy hoạch cấp nước (Số hiệu bản vẽ: NDV-QH-06); Bản đồ quy hoạch thoát nước mưa (Số hiệu bản vẽ: NDV-QH-07); Bản đồ quy hoạch thoát nước sinh hoạt (Số hiệu bản vẽ: NDV-QH-08); Bản đồ quy hoạch thoát nước bẩn & vệ sinh môi trường (Số hiệu bản vẽ: NDV-QH-09); Bản đồ tổng hợp đường ống (Số hiệu bản vẽ: NDV-QH-10); Bản vẽ mẫu công trình (Gồm 04 bản vẽ kiến trúc có số hiệu bản vẽ từ NDV-QH-10 đến NDV-QH-14).

**Với những nội dung chính như sau:**

**A – Nội dung quy hoạch:**

**1. Vị trí, phạm vi và quy mô điều chỉnh quy hoạch dự án xây dựng công trình:**

Khu vực điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng Nhà máy Nidec Việt Nam nằm ở Lô I-1c (hay còn gọi là I.1-N2) giáp đường D1, thuộc phường Tân Phú, Quận 9 – Tp.Hồ Chí Minh.

- Phía Đông - Đông Nam giáp đường N1.
- Phía Tây - Tây Bắc giáp ranh Suối Gò Cát.
- Phía Nam - Tây Nam giáp đường D1.
- Phía Bắc - Đông Bắc giáp ranh đất Nhà đầu tư khác.

Quy mô diện tích đất dự án là: **50.214,10 m²** (diện tích đất được căn cứ theo Hợp đồng thuê đất số 08 /HĐTĐ/KCNC-2005 ngày 21/11/2005; và được xác định theo biên bản giao đất tại hiện trường ngày 19/ 8 / 2005 đính kèm bản đồ cắm mốc)

**2. Mục tiêu điều chỉnh:**

- Theo nhu cầu và khả năng đầu tư của Công ty TNHH Nidec Việt Nam Corporation tại Khu công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh.
- Phù hợp với quy mô sử dụng đất theo Bản đồ cắm mốc.

**3. Tính chất, chức năng:**

- Tính chất : Khu sản xuất công nghệ cao.
- Chức năng : Nhà máy Nidec Việt Nam với chức năng chính: Sản xuất và kinh doanh các linh kiện và mô tơ nhỏ chính xác cao.

**4. Quy hoạch sử dụng đất điều chỉnh:**

| Số tt | Mục đích sử dụng | Quy hoạch chi tiết xây dựng 1/500 phê duyệt tại QĐ 86/QĐ-KCNC ngày 30/12/2005 | | Quy hoạch chi tiết xây dựng 1/500 điều chỉnh | | So sánh ($m^2$) |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Quy mô: 50.214,10$m^2$ | | Quy mô: 50.214,10$m^2$ | | |
| | | Diện tích ($m^2$) | Tỷ lệ (%) | Diện tích ($m^2$) | Tỷ lệ (%) | |
| **A** | **Đất xây dựng công trình** | **27.641,11** | **55,05** | **25.120,39** | **50,02** | Giảm 2.520,72$m^2$ |
| | *1. Khu sản xuất* | *24.197,27* | *48,19* | *21.568,63* | *42,95* | |
| 1 | Nhà xưởng A | 14.565,13 | | 14.559,19 | | Giảm 5,94$m^2$ |
| 2 | Nhà xưởng B | 5.272,96 | | 7.009,44 | | Tăng 1.736,48$m^2$ |
| 3 | Nhà xưởng C | 4.359,18 | | | | Giảm 4.359,18$m^2$ |
| | *2. Khu phụ trợ* | *3.443,84* | *6,86* | *3.551,76* | *7,07* | |
| 4 | Căn tin | 1.703,68 | | 2.014,00 | | Tăng 310,32$m^2$ |
| 5 | Phòng máy | 474,14 | | | | Giảm 474,14$m^2$ |
| 6 | Nhà xe 2 bánh A | 683,84 | | 674,75 | | Giảm 9,09$m^2$ |
| 7 | Nhà xe 2 bánh B | 424,62 | | 315,00 | | Giảm 109,62$m^2$ |
| 8 | Nhà xe ôtô | 116,56 | | 114,00 | | Giảm 2,56$m^2$ |
| 9 | Nhà bảo vệ | 41,00 | | 77,15 | | Tăng 36,15$m^2$ |
| 10 | Nhà rác | | | 211,50 | | Tăng 211,50$m^2$ |
| 11 | Hành lang nối | | | 145,36 | | Tăng 145,36$m^2$ |
| **B** | **Đất giao thông, sân bãi** | **11.583,69** | **23,07** | **11.187,56** | **22,28** | Giảm 396,13$m^2$ |
| **C** | **Đất cây xanh** | **10.989,30** | **21,88** | **13.906,15** | **27,70** | Tăng 2.916,85$m^2$ |
| | **Tổng diện tích khu đất (A + B + C)** | **50.214,10** | | **50.214,10** | | |

Theo bảng thống kê nêu trên, việc thay đổi diện tích cục bộ một số hạng mục công trình do có sự điều chỉnh hình khối và diện tích kiến trúc để phù hợp với công năng, nhu cầu và khả năng đầu tư sử dụng của Công ty TNHH Nidec Việt Nam Corporation.

**5. Các chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc:**

Yêu cầu kiến trúc xây dựng từng khu chức năng Nhà máy Nidec Việt Nam với các chỉ tiêu sau đây:

| Khu chức năng | Quy hoạch chi tiết xây dựng 1/500 được duyệt năm 2005 | | | Đề nghị điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng 1/500 | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Mật độ xây dựng (%) | Tầng cao công trình (tầng) | Hệ số sử dụng đất | Mật độ xây dựng (%) | Tầng cao công trình (tầng) | Hệ số sử dụng đất |
| Đất xây dựng công trình | 55,05 | 1-2 | 0,97 | 50,02 | 1-2 | 0,81 |
| Đất giao thông sân bãi | 23,07 | | | 22,28 | | |
| Đất cây xanh | 21,88 | | | 27,70 | | |

**B - Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật**

**1. Chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng (Khoảng lùi công trình):**

**1.1 Chỉ giới đường đỏ:**

Theo bản đồ ranh giao đất.

**1.2 Chỉ giới xây dựng (Khoảng lùi công trình) :**

- Giáp đường D1: Các hạng mục công trình nhà xưởng có khoảng lùi 27,4m (Theo quy định là 20m).

- Giáp đường N1: Hạng mục công trình nhà xưởng có khoảng lùi từ 27,78m ÷33,64m (Theo quy định là 15m).

- Giáp ranh Suối Gò Cát: Hiện tại mái đón nhà xưởng (phía dưới các phương tiện đều lưu thông được), mái nhà xe 4 bánh, mái nhà xe 2 bánh, mái nhà tập kết rác có khoảng lùi từ 1,0m đến 4,46m. Chủ đầu tư cần lưu ý và đảm bảo lưu thông thông suốt trong quá trình vận hành nhà máy phù hợp với yêu cầu Phòng cháy và chữa cháy theo quy định.

- Các ranh đất còn lại: Các hạng mục công trình đều có khoảng lùi trên 5m (Theo quy định tối thiểu là 5m).

**2. Chuẩn bị kỹ thuật đất xây dựng:**

+ Cao độ nền khống chế theo quy hoạch ≥ +2.2m (Cao độ Hòn Dấu).

+ Cao độ san nền của toàn dự án từ + 3.1m ÷ 4.65m (Cao độ Hòn Dấu).

+ Cao độ nền công trình xây dựng: Cốt + 0.000 tương ứng với cao độ +4.940 (Cao độ Hòn Dấu).

**3. Giao thông, sân bãi:**

Hướng vào chính từ đường D1. Hệ thống giao thông nội bộ hợp lý, đảm bảo lưu thông giữa các khu vực và yêu cầu phòng cháy và chữa cháy, phù hợp tiêu chuẩn Phòng cháy chữa cháy và quy chuẩn xây dựng Việt nam ban hành kèm theo Quyết định số 682/BXD-CSXD ngày 14/12/1996 của Bộ Xây dựng. Chủ đầu tư dự án công trình cần liên hệ Sở Cảnh sát Phòng cháy & Chữa cháy Tp.HCM để được hướng dẫn các vấn đề có liên quan về Phòng cháy và Chữa cháy dự án công trình theo quy định trước khi tiến hành thủ tục xin phép xây dựng công trình (Giai đoạn II).

**4. Cấp điện:**

Nguồn cấp lấy từ hệ thống cáp ngầm 15/22 KV dọc lề đường D1 của Khu công nghệ cao TP.HCM khi xây dựng hoàn thành.

**5. Cấp nước:**

Ống cấp nước ngầm bằng gang ø 120 đấu nối vào vị trí tuyến ống cấp trên lề đường D1 của Khu Công Nghệ Cao TP.HCM.

**6. Thoát nước bẩn và vệ sinh môi trường**

a) Thoát nước mưa: Các tuyến thoát nước mưa được thiết kế tách riêng với thoát nước thải, là hệ thống kín, thu nước bằng hệ thống cống, hướng dốc đổ ra hố ga trung chuyển trước khi thoát vào hệ thống chung của Khu công nghệ cao gồm các điểm như sau:

+ 1 điểm đấu nối trên đường D1.

+ 1 điểm đấu nối vào hố ga thu gom trước khi đổ ra cửa xả Suối Gò Cát.

b) Thoát nước bẩn và xử lý rác:

+ Thoát nước thải sản xuất và nước thải sinh hoạt: Xử lý cục bộ đạt tiêu chuẩn quy định đầu vào nhà máy xử lý nước thải tập trung của Khu công nghệ cao trước khi đổ ra hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghệ cao gồm 1 điểm đấu nối trên lề đường D1.

+ Chất thải rắn và chất thải nguy hại: Chủ đầu tư thông qua Công Ty Phát triển Khu công nghệ cao làm đầu mối để ký hợp đồng với đơn vị dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Môi trường Việt Nam.

**7. Hệ thống thông tin liên lạc:**

Đấu nối với mạng cáp thông tin-viễn thông chung của Khu công nghệ cao đi ngầm dưới lề đường D1 khi xây dựng hoàn thành.

**Điều 2** - Công Ty TNHH Nidec Việt Nam Corporation là Chủ đầu tư dự án có kế hoạch triển khai việc tổ chức quản lý, thực hiện dự án đầu tư xây dựng theo đúng nội dung được duyệt. Các đề xuất, thay đổi trong quá trình thực hiện dự án chủ đầu tư phải báo cáo bằng văn bản với Ban quản lý khu công nghệ cao để xem xét và chấp thuận trước khi thực hiện.

**Điều 3** - Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 4** - Chánh văn phòng Ban quản lý khu công nghệ cao, Thủ trưởng các phòng: Phòng Quản lý Quy hoạch Xây dựng & Môi trường; Phòng Quản lý Đầu tư & Hợp tác Quốc tế; Phòng Kế hoạch, Tổng Giám đốc Công ty TNHH Nidec Việt Nam Corporation chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***
- Như Điều 4;
- Các PTB (để biết);
- Các Sở, ngành TP có liên quan:
  + Sở Quy hoạch kiến trúc;
  + Sở Xây dựng;
  + Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Lưu VP.BQL/Tổ TH./. (13)

**TRƯỞNG BAN**

**Nguyễn Đình Mai**

| | |
|---|---|
| THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH<br>ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 9 | CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc |
| Số: 1592 /UBND | *Quận 9, ngày 10 tháng 11 năm 2008* |

# GIẤY XÁC NHẬN ĐĂNG KÝ BẢN CAM KẾT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Của dự án: Mở rộng sản xuất và kinh doanh
các linh kiện và môtơ nhỏ chính xác cao

## CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 9
## XÁC NHẬN

**Điều 1.** Ngày 03/10/2008 Công ty TNHH Nidec Việt Nam Corporation đã có văn bản số 168/CV-ND về việc đề nghị xác nhận bản đăng ký cam kết bảo vệ môi trường của dự án mở rộng sản xuất và kinh doanh các linh kiện và môtơ nhỏ chính xác tại lô I1-N2, khu Công Nghệ Cao, Quận 9, Tp.Hồ Chí Minh.

**Điều 2.** Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện đúng và đầy đủ những nội dung về bảo vệ môi trường nêu trong bản cam kết bảo vệ môi trường.

**Điều 3.** Bản cam kết bảo vệ môi trường của dự án là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường giám sát, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện bảo vệ môi trường của Dự án.

Giấy xác nhận có giá trị kể từ ngày ký./.

***Nơi nhận:***
- Chủ dự án;
- BQL khu CNC;
- Lưu: VT, TNMT.

**KT. CHỦ TỊCH**
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Hữu Việt**

BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Số: 05/2005/MT-KCNC

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 8 tháng 11 năm 2005*

# GIẤY CHỨNG NHẬN
# ĐĂNG KÝ ĐẠT TIÊU CHUẨN MÔI TRƯỜNG

## TRƯỞNG BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO
## THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

**Căn cứ nội dung các văn bản Quản lý Nhà nước về môi trường :**

- Luật bảo vệ môi trường ngày 27/12/1993 của nước CHXHCN Việt Nam và Nghị định số 175-CP ngày 18/10/1994 của Chính Phủ hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường;
- Thông tư số 490/1998/TT-BKHCNMT ngày 29/04/1998 của Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường về Hướng dẫn lập và thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với các dự án đầu tư;
- Nghị định số 99/NĐ-CP ngày 28/08/2003 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế Khu Công nghệ cao;
- Quyết định số 76/2002/QĐ-UB ngày 20/7/2002 của Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế quản lý nhà nước về môi trường đối với các Khu chế xuất và Khu công nghiệp trên địa bàn Thành Phố Hồ Chí Minh;
- Công văn số 1101/UB-ĐB ngày 03 tháng 03 năm 2004 về "Quy chế quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường đối với Khu công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh" của Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường Dự Án xây dựng nhà xưởng, văn phòng của Công ty TNHH NIDEC VIỆT NAM CORPORATION tại Khu công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh.

## CHỨNG NHẬN

**Điều 1.** Công ty TNHH NIDEC VIỆT NAM CORPORATION đã giải trình nội dung Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường của Dự án xây dựng nhà xưởng, văn phòng trên mặt bằng rộng 50.035m$^2$ tại Lô I1, Khu Công Nghệ Cao, Quận 9.

**Điều 2.** Qui mô nhà xưởng

*Máy móc thiết bị chủ yếu* : Máy tiện NC; Máy làm sạch; Máy phun khung dạng đứng 80T; Máy phun khung dạng nằm 100T; Máy phun khung dạng nằm 40T; Máy lắp ráp bằng in; Máy quấn cuộn dây và lắp ráp quạt; Dây chuyền chính lắp ráp quạt;....

*Công nghệ sản xuất:*

*Sản xuất môtơ quạt :* Khuôn quạt → Dán keo → Gắn cụm → Đặt vòng đệm → Lắp ráp cánh quạt → Lắp cụm stator → Gắn vòng dây điện → Hàn cụm đầu nối → Cụm cánh quạt → Kiểm tra bề mặt → Dán nhãn → Kiểm tra tiếng ồn → Kiểm tra nhãn → Kiểm tra cuối cùng → Đóng gói.

*Sản xuất môtơ quạt và cụm stator:*

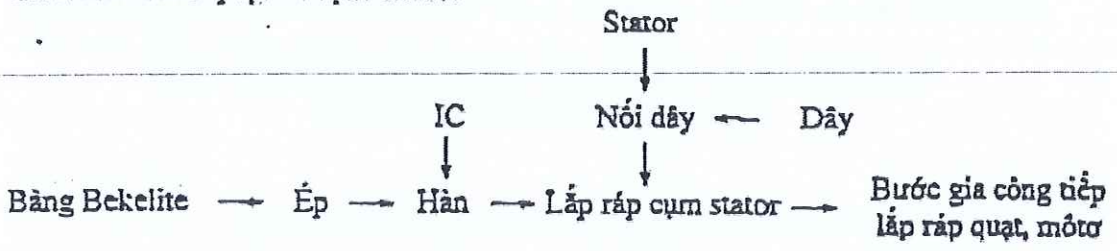


*Sản xuất môtơ quạt – gia công housing và cánh quạt:*

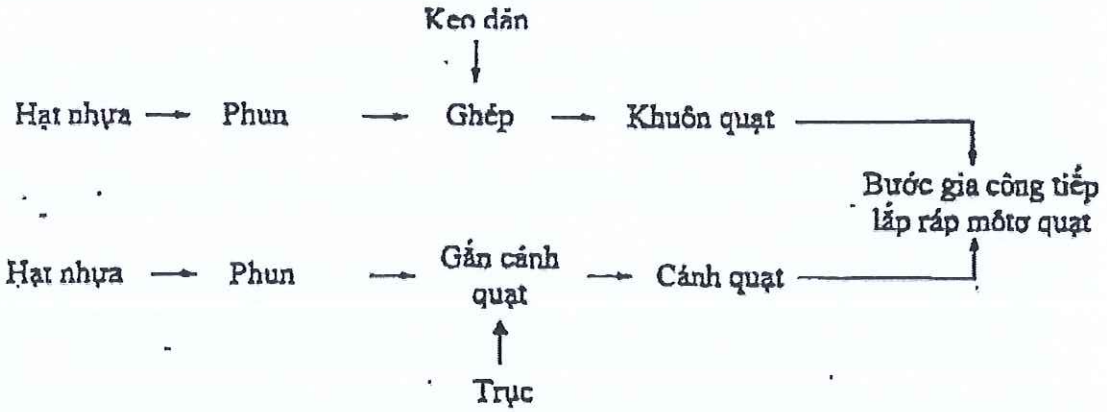


*Sản phẩm :*

- Các môtơ nhỏ chính xác và các linh phụ kiện.
- Công suất sản phẩm: 60.000.000 cái/năm.

Điều 3. Công ty TNHH NIDEC VIỆT NAM CORPORATION có trách nhiệm thực hiện đúng những nội dung đã được nêu trong Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường và những yêu cầu bổ sung sau đây :

- Nước thải sinh hoạt, nước mưa và nước thải công nghiệp phải được tách riêng và xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường Việt Nam và theo các hướng dẫn của Ban quản lý Khu công nghệ cao Tp. Hồ Chí Minh.
- Khí thải từ khâu phun nhựa và khâu hàn chì phải được khống chế, xử lý đảm bảo đạt tiêu chuẩn môi trường Việt Nam.
- Công ty phải thực hiện các biện pháp khống chế ô nhiễm nhiệt và các yếu tố vi khí hậu đạt tiêu chuẩn vệ sinh lao động và tiêu chuẩn môi trường Việt Nam; thực hiện các biện pháp an toàn lao động và phòng chống cháy nổ theo đúng các hướng dẫn về phòng cháy chữa cháy của Việt Nam.

- Ngoài ra, Công ty phải có biện pháp thu gom chất thải rắn, chất thải rắn nguy hại và xử lý chất thải này theo đúng quy định của Việt Nam và theo các hướng dẫn của Ban quản lý Khu công nghệ cao Tp. Hồ Chí Minh.
- Khi đi vào hoạt động sản xuất Công ty cần thông báo cho Ban quản lý Khu công nghệ cao Tp. Hồ Chí Minh biết để kiểm tra việc nghiệm thu các hạng mục có liên quan đến bảo vệ môi trường, thực hiện chương trình giám sát môi trường trong Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường đã nêu.

Điều 4. Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường và các yêu cầu bổ sung là cơ sở để các cơ quan quản lý Nhà nước kiểm tra việc thực hiện bảo vệ môi trường trong quá trình thi công và hoạt động của Dự Án tại địa điểm nêu trên.

Điều 5. Giấy chứng nhận này không phải là cơ sở pháp lý công nhận Dự Án Xây dựng, nhà xưởng, văn phòng của Công ty TNHH NIDEC VIỆT NAM CORPORATION đạt tiêu chuẩn môi trường.

TRƯỞNG BAN
BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

PHẠM CHÁNH TRỰC

*Nơi nhận:*
- Công ty TNHH NIDEC VIỆT NAM CORPORATION
- UBND Quận 9
- Sở Tài Nguyên và Môi Trường
- Lưu Văn phòng, PQLĐT, PQHXDMT

CÔNG TY TNHH NIDEC VIỆT NAM CORPORATION

BỘ CÔNG AN
SỞ CS PC & CC TP.HCM
Số: 1222/TD-PCCC (HDPC)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu PC1
BH theo Thông tư số: 04/2004/TT-BCA
Ngày 31-3-2004 - In 2007

# GIẤY CHỨNG NHẬN
## THẨM DUYỆT VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

- Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001;
- Căn cứ Nghị định số 35/2003/NĐ - CP ngày 04 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy;
- Căn cứ Thông tư số 04/2004/TT-BCA ngày 31 tháng 3 năm 2004 của Bộ Công an;
- Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt về PCCC số..... ngày 09 / 9 / 2008

của: Công ty TNHH Nidec Việt Nam Corporation

Người đại diện là ông/ bà: KUNIO TSUCHIDA Chức danh Giám đốc

(1) **SỞ CẢNH SÁT PC & CC TP.HCM**

**CHỨNG NHẬN:**

**Nhà xưởng và căn tin (giai đoạn 2)**

(2) .....

Địa điểm: Khu công nghệ cao TP.HCM, Quận 9, TP.HCM.

Chủ đầu tư/ chủ phương tiện: Công ty TNHH Nidec Việt Nam Corporation

Đơn vị lập dự án/ thiết kế: Công ty cổ phần xây dựng Việt Long

**Đã được thẩm duyệt về PCCC các nội dung sau:**

- Bậc chịu lửa, khoảng cách an toàn PCCC, giao thông phục vụ xe chữa cháy, giải pháp ngăn cháy, lối thoát nạn.
- Hệ thống cấp nước chữa cháy vách tường.
- Hệ thống báo cháy tự động.
- Hệ thống chống sét.
- Đèn chiếu sáng sự cố đèn chỉ dẫn lối thoát nạn

theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.

**Các yêu cầu kèm theo:** (3) *1/. Tường ngăn giữa kho linh kiện điện tử và nhà xưởng, giữa nhà xưởng và máy biến áp phải là tường ngăn cháy có giới hạn chịu lửa tối thiểu là 150 phút. 2/. Cửa đi tại những phòng thường xuyên có trên 15 người phải có hướng mở ra phía ngoài. 3/. Lắp đặt công tắc áp lực trên đường ống của hệ thống cấp nước chữa cháy hoặc tại mỗi họng nước chữa cháy phải có 01 công tắc điện khởi động máy bơm chữa cháy. 4/. Chủ đầu tư phải thông báo tiến độ thi công công trình để được Sở Cảnh sát PC&CC TP.HCM kiểm tra thi công và nghiệm thu trước khi đưa*

*TP.Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 10 năm 2008*

**GIÁM ĐỐC**

(4) .....

THIẾU TƯỚNG Trần Triều Dương

*Nơi nhận:*
- Như trên
- C23-BCA
- Phòng CS PC&CC Quận 9
- Lưu CSPCCCTP(TM).

*(1) Tên cơ quan Cảnh sát PCCC cấp giấy; (2) Tên dự án, công trình, hạng mục công trình hoặc phương tiện giao thông cơ giới.*
*(3) Trách nhiệm của chủ đầu tư, chủ phương tiện phải thực hiện tiếp; (4) Chức danh người ký giấy (ký tên, đóng dấu).*

# DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ ĐÃ ĐƯỢC THẨM DUYỆT VỀ PCCC

| SỐ TT | TÊN TÀI LIỆU, BẢN VẼ | KÝ HIỆU | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|
| 01 | Kiến trúc liên quan đến PCCC | NDV-GL-00-01÷ | |
| | | NDV-GL-00-01, | |
| | | NDV-AR-01-01÷ | |
| | | NDV-AR-01-05, | |
| | | NDV-AR-02-01÷ | |
| | | NDV-AR-02-03, | |
| 02 | Hệ thống báo cháy tự động | NDV-E-03-1÷ | |
| | | NDV-E-03-3, | |
| | | NDV-E-02 | |
| 03 | Hệ thống cấp nước chữa cháy vách tường | NDV-FF-00-01÷ | |
| | | NDV-FF-00-03 | |
| 04 | Hệ thống chống sét | NDV-E-04-1÷ | |
| | | NDV-E-04-3 | |
| 05 | Đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn lối | NDV-E-01-1÷ | |
| | thoát nạn | NDV-E-01-3 | |

CÔNG AN TP. HỒ CHÍ MINH
PHÒNG CẢNH SÁT PCCC
Số: 346 /PCCC/NT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 07 năm 2006*

*V/v: Nghiệm thu hệ thống PCCC*

*Kính gửi: Công ty TNHH NIDEC Việt Nam.*

Theo văn bản 025 ngày 30/5/2006 về việc nghiệm thu hệ thống phòng cháy chữa cháy (PCCC) của *Công ty TNHH NIDEC Việt Nam.*

Sau khi xem xét hồ sơ nghiệm thu về phòng cháy chữa cháy do chủ đầu tư chuẩn bị và Biên bản kiểm tra nghiệm thu hệ thống PCCC do đại diện Phòng Cảnh sát phòng cháy chữa cháy lập ngày 02 tháng 6 năm 2006.

Phòng Cảnh sát phòng cháy chữa cháy Công an TP.HCM đồng ý nghiệm thu về phòng cháy chữa cháy:

**Công Trình** : *Nhà máy NIDEC VIET NAM CORPORATION.*
**Chủ đầu tư là** : *Công ty TNHH NIDEC Việt Nam.*
**Xây dựng tại** : *Khu công nghệ cao TP. Hồ Chí Minh - Quận 9.*

**Các hệ thống phòng cháy và chữa cháy đã nghiệm thu gồm :**

- Kiến trúc công trình.
- Hệ thống điện.
- Hệ thống chống sét.
- Hệ thống báo cháy tự động.
- Hệ thống chữa cháy vách tường.

**Đồng thời cần thực hiện các yêu cầu kèm theo đây :**

- Thực hiện đầy đủ các kiến nghị nêu trong Biên bản kiểm tra nghiệm thu hệ thống PCCC lập ngày 02 tháng 6 năm 2006.

- Các hệ thống, thiết bị kỹ thuật khác có liên quan đến PCCC phải được kiểm tra, thử nghiệm và nghiệm thu đưa vào vận hành đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật và quy định về PCCC; Thực hiện đầy đủ các điều kiện về PCCC khi đưa công trình vào sử dụng./.

KT. TRƯỞNG PHÒNG CẢNH SÁT PCCC
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

***Nơi nhận:***
*- Chủ đầu tư công trình.*
*- Cục CS.PCCC-BCA (để báo cáo).*
*- Lưu Phòng CS PCCC (KT) số:*

| | |
|---|---|
| BỘ CÔNG AN<br>**SỞ CSPC&CC TP.HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Số: 607/CSPCCCTP-HDPC<br>Về nghiệm thu PCCC | *TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 8 năm 2010* |

Kính gửi: Công ty TNHH Nidec Việt Nam Corporation.

Theo Văn bản ngày 28 tháng 4 năm 2010 của Công ty TNHH Nidec Việt Nam Corporation về việc nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy.

Sau khi xem xét hồ sơ nghiệm thu về phòng cháy chữa cháy do chủ đầu tư chuẩn bị và biên bản kiểm tra nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy do đại diện Sở CS PC&CC TP.Hồ Chí Minh lập ngày 03 tháng 8 năm 2010.

Sở Cảnh sát PC&CC TP.Hồ Chí Minh đồng ý nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy:

Công trình: Nhà xưởng và căn tin (giai đoạn 2).

Chủ đầu tư: Công ty TNHH Nidec Việt Nam Corporation.

Xây dựng tại: Khu công nghệ cao, quận 9, TP.Hồ Chí Minh.

**Các hệ thống phòng cháy và chữa cháy đã nghiệm thu gồm:**

- Bậc chịu lửa, lối thoát nạn, giải pháp ngăn cháy, khoảng cách an toàn PCCC, giao thông phục vụ chữa cháy.
- Hệ thống báo cháy tự động.
- Hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà, chữa cháy tự động sprinkler.
- Hệ thống chống sét đánh thẳng.
- Đèn chiếu sáng sự cố, chỉ dẫn lối thoát nạn.

**Đồng thời cần thực hiện các yêu cầu kèm theo sau đây:**

- Thực hiện đầy đủ các kiến nghị nêu trong biên bản kiểm tra nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy lập ngày 03 tháng 8 năm 2010.

- Các hệ thống, thiết bị kỹ thuật khác có liên quan đến PCCC phải được kiểm tra, thử nghiệm và nghiệm thu đưa vào vận hành đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật và quy định về PCCC. Thực hiện đầy đủ các điều kiện về PCCC khi đưa công trình vào sử dụng.

| | |
|---|---|
| ***Nơi nhận:***<br>- Như trên;<br>- Cục CS PCCC&CNCH-TC VII;<br>- Lưu: VT, HDPC(TD). | **GIÁM ĐỐC**<br><br>Đại tướng Trần Triều Dương |

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 01 năm 2015*

# SỔ ĐĂNG KÝ
# CHỦ NGUỒN THẢI CHẤT THẢI NGUY HẠI
## Mã số QLCTNH 79. 000278 .T
(Cấp lần 4)

**I. Thông tin chung về chủ nguồn thải chất thải nguy hại:**

**Tên: CÔNG TY TNHH NIDEC VIỆT NAM CORPORATION**

Địa chỉ văn phòng: Lô I1-N2, Khu Công nghệ Cao, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 08. 37360074 Fax: 08. 37360073

E-mail: dong.levan@nidec.com

Tài khoản số: 018.100.1481100 tại: Ngân hàng Ngoại thương –Chi nhánh Thủ Đức.

Giấy chứng nhận đầu tư số: 413043000022 cấp lần đầu ngày 17/10/2005, cấp thay đổi lần thứ 3 ngày 24/4/2014 nơi cấp: Ban quản lý Khu Công nghệ Cao, thành phố Hồ Chí Minh.

**II. Nội dung đăng ký:**

Chủ nguồn thải chất thải nguy hại đã đăng ký cơ sở phát sinh chất thải nguy hại kèm theo danh sách chất thải nguy hại và chất thải thông thường theo Phụ lục kèm theo.

**III. Trách nhiệm của chủ nguồn thải:**

1. Tuân thủ các quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường có liên quan.
2. Thực hiện đúng trách nhiệm quy định tại Điều 25 Thông tư số 12/2011/TT-BTNMT ngày 14 tháng 04 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.
3. Có trách nhiệm áp dụng các biện pháp cần thiết, thông báo cho cơ quan có thẩm quyền khi xảy ra sự cố và thực hiện nghiêm chỉnh các hướng dẫn của cơ quan này.

**IV.Điều khoản thi hành:**

Sổ đăng ký này có giá trị sử dụng cho đến khi cấp lại hoặc chấm dứt hoạt động và thay thế Sổ đăng ký có mã số QLCTNH: 79.000278.T cấp lần 3 ngày 23 tháng 02 năm 2011.

**KT. GIÁM ĐỐC**
**PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Văn Phước

***Nơi nhận:***
- Công ty TNHH Nidec Việt Nam Corporation;
- Lưu VT; P.QLCTR (2b).

Dự thảo : K. Mến.

# PHỤ LỤC

*(Kèm theo Sổ đăng ký chủ nguồn thải có mã số QLCTNH: 79.000278.T do Sở Tài nguyên và Môi trường TP.HCM cấp lần 4, ngày 05 tháng 01 năm 2015 )*

**1. Cơ sở phát sinh chất thải nguy hại**

Tên: **CÔNG TY TNHH NIDEC VIỆT NAM CORPORATION**

Địa chỉ: Lô I1-N2, Khu Công nghệ Cao, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 08. 37360074 Fax: 08. 37360073

Giấy chứng nhận đầu tư số: 413043000022 cấp lần đầu ngày 17/10/2005, cấp thay đổi lần thứ 3 ngày 24/4/2014 nơi cấp: Ban quản lý Khu Công nghệ Cao, thành phố Hồ Chí Minh.

Loại hình hoạt động: Điện tử.

**2. Danh sách chất thải nguy hại đã đăng ký phát sinh thường xuyên:**

| TT | Tên chất thải | Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn) | Số lượng (kg/năm) | Mã CTNH |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải | Lỏng | 24.000 | 17 02 03 |
| 2 | Dung dịch nước tẩy rửa thải có các thành phần nguy hại | Lỏng | 3.600 | 07 01 06 |
| 3 | Sản phẩm vô cơ có các thành phần nguy hại | Rắn | 4.800.000 | 19 03 01 |
| 4 | Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại | Rắn | 18.000 | 18 02 01 |
| 5 | Chất thải từ quá trình cạo, bóc tách sơn | Rắn | 43.000 | 08 01 03 |
| 6 | Bao bì mềm thải | Rắn | 2.200 | 18 01 01 |
| 7 | Bao bì cứng thải bằng kim loại | Rắn | 13.000 | 18 01 02 |
| 8 | Bao bì cứng thải bằng nhựa | Rắn | 8.000 | 18 01 03 |
| 9 | Bóng đèn huỳnh quang thải | Rắn | 120 | 16 01 06 |
| 10 | Pin thải | Rắn | 24 | 19 06 01 |
| 11 | Hộp mực in thải | Rắn | 60 | 08 02 04 |
| | **Tổng số lượng** | | **4.912.004** | |

**3. Danh sách chất thải thông thường đã đăng ký phát sinh thường xuyên:**

| STT | Tên chất thải | Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn) | Số lượng (kg/năm) |
|---|---|---|---|
| 1 | Chất thải rắn sinh hoạt | Rắn | 300.000 |
| 2 | Mút xốp | Rắn | 16.000 |
| 3 | Kiban, vỏ linh kiện | Rắn | 85.000 |

| | | | |
|---|---|---|---|
| 4 | Túi ni lông và bao bì đựng hạt nhựa | rắn | 500.000 |
| 5 | Bao tay không dính dầu | Rắn | 6.000 |
| 6 | Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt | Rắn | 1.000 |
| | **Tổng số lượng** | | **908.000** |

**4. Danh sách chất thải nguy hại đã đăng ký tự xử lý chất thải nguy hại tại cơ sở: (không có)**

**5. Hồ sơ kèm theo Sổ đăng ký:**

Bộ hồ sơ đăng ký (với dòng chữ sau trên bìa: "Kèm theo Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại có Mã số QLCTNH: 79.000278.T do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp lần 4 ngày 09 tháng 01 năm 2015") được Sở Tài nguyên và Môi trường đóng dấu xác nhận trên trang bìa và dấu giáp lai là bộ phận không tách rời kèm theo Sổ đăng ký này.

# PHỤ LỤC II:
# HỢP ĐỒNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI; HỢP ĐỒNG THU GOM, XỬ LÝ CTR, CTNH

CÔNG TY TNHH NIDEC VIỆT NAM CORPORATION
M.S.D.N: 0304227309-C.T.T.N.H.H
TP. THỦ ĐỨC - TP. HỒ CHÍ MINH

# PHỤ LỤC 3

(Kèm theo Hợp đồng số: 40/HĐ-BQLCDA-XLNT ký ngày 01/7/2017)

Căn cứ Hợp đồng số: 40/HĐ-BQLCDA-XLNT ký ngày 01/7/2017 giữa Ban Quản lý các dự án Đầu tư - Xây dựng Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh và Công ty TNHH Nidec Việt Nam Corporation về việc cung cấp dịch vụ xử lý nước thải.

Hôm nay, ngày ..... tháng ..... năm 2022, hai bên gồm:

**Bên A: BAN QUẢN LÝ CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ - XÂY DỰNG KHU CÔNG NGHỆ CAO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Đại diện : **Ông PHẠM HỮU MINH** Chức vụ: Phó Giám đốc phụ trách
Theo quyết định số 309/QĐ-KCNC ngày 29/10/2019.

Địa chỉ : Km 1001 Xa Lộ Hà Nội, phường Tân Phú, Thành phố Thủ Đức, TP.Hồ Chí Minh.

Tài khoản : 31410002531451 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) – Chi nhánh Đông Sài Gòn.

Điện thoại : (028) 3736 0462, 3730 7390. Fax: (028) 3736 0470.

Mã số thuế: 0306678152.

**Bên B: CÔNG TY TNHH NIDEC VIỆT NAM CORPORATION,**

Đại diện : ....Ông..SATO..HIDEKAZU..... Chức vụ: Tổng..giám..đốc

Địa chỉ : Lô I1-N2, Khu Công nghệ cao, Phường Tân Phú, Thành phố Thủ Đức, TP HCM

Điện thoại : (028) 7360074 Fax: (028) 7360073

Mã số thuế: 0304227309

Hai bên thỏa thuận và thống nhất điều chỉnh Hợp đồng số: 40/HĐ-BQLCDA ký ngày 01/7/2017 bằng Phụ lục này, cụ thể như sau:

**ĐIỀU 1. ĐIỀU CHỈNH KHOẢN 1 ĐIỀU 7 "GIÁ DỊCH VỤ THOÁT NƯỚC VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN" CỦA HỢP ĐỒNG SỐ 40/HĐ-BQLCDA-XLNT NGÀY 01/7/2017**

***Nội dung cũ:***

1. Mức phí:

a) Phí dịch vụ xử lý nước thải công nghiệp: Thực hiện theo Quyết định 5754/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của UBND thành phố Hồ Chí Minh Quyết định về một số cơ chế, chính sách thu hút đầu tư vào Khu Công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh về nước thải.

- Thời điểm tính phí xử lý nước thải: từ ngày 01 tháng 7 năm 2017.
- Số tiền thanh toán phí xử lý nước thải sẽ theo hóa đơn phát hành tại thời điểm đề nghị thanh toán theo từng tháng.
- Lượng nước thải xử lý được xác định bằng:

Đối với đơn vị không lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng nước thải: lượng nước thải được tính bằng 80% lượng nước cấp sử dụng của Bên B theo hóa đơn tiền nước hàng tháng.

Đối với đơn vị có lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng nước thải đã được Ban Quản lý Khu Công nghệ cao nghiệm thu: lưu lượng nước thải được tính theo chỉ số của đồng hồ. Trong trường hợp đồng hồ hư hỏng, lưu lượng nước thải được áp dụng như đơn vị không lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng nước thải.

- Trường hợp phí xử lý nước thải đối với nước thải công nghiệp thay đổi thì biểu giá mới sẽ được áp dụng và Bên A sẽ thông báo bằng văn bản cho Bên B ngay sau khi Bên A nhận được chính thức biểu giá mới. Thời điểm bắt đầu áp dụng biểu giá mới sẽ căn cứ vào thời điểm mà cơ quan có thẩm quyền quy định.

***Điều chỉnh mới:***

1. Giá dịch vụ thoát nước thải và xử lý nước thải:

- Là giá được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền Quyết định ban hành.
- Bên A ghi nhận khối lượng nước thải xả thải của Bên B hàng tháng để làm cơ sở tính toán tiền dịch vụ thoát nước thải và xử lý nước thải.
- Bên A sẽ thông báo và phát hành hóa đơn tài chính để thu tiền sử dụng dịch vụ thoát nước thải và xử lý nước thải gửi Bên B.
- Lượng nước thải xử lý được xác định: lượng nước thải được tính bằng 80% lượng nước cấp sử dụng của Bên B theo hóa đơn tiền nước hàng tháng.
- Khi có sự thay đổi mức giá thì Bên A sẽ thông báo cho Bên B bằng văn bản và đương nhiên mức giá mới được áp dụng mà không cần bổ sung vàoHợp đồng và Phụ lục hợp đồng này.

**ĐIỀU 2. ĐIỀU KHOẢN CHUNG**

Phụ lục này là một phần không tách rời của Hợp đồng số 40/HĐ-BQLCDA-XLNT ký ngày 01/7/2017 và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2022.

Các điều khoản, nội dung còn lại của Hợp đồng dịch vụ xử lý nước thải số 40/HĐ-BQLCDA-XLNT không đề cập tới, vẫn được giữ nguyên không thay đổi.

Phụ lục này được thành lập 06 (sáu) bản, mỗi bên giữ 03 (ba) bản để làm cơ sở thực hiện và có giá trị pháp lý như nhau./.

| **Đại diện Bên A** | **Đại diện Bên B** |
|---|---|
| PHÓ GIÁM ĐỐC | |
| BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH – BAN QUẢN LÝ CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ - XÂY DỰNG KHU CÔNG NGHỆ CAO THÀNH PHỐ | M.S.D.N: 0304227309 - C.T.T.N.H.H - CÔNG TY TNHH NIDEC VIỆT NAM CORPORATION - TP. THỦ ĐỨC - TP. HỒ CHÍ MINH |
| Phạm Hữu Minh | SATO HIDEKAZU, President |

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

# HỢP ĐỒNG

*Thu gom và vận chuyển chất thải rắn thông thường*

*(rác thải sinh hoạt) không nguy hại*

Số: 18 /HĐ-SHTPCo-KDDV

Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;

Căn cứ Bộ Luật Thương Mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005;

Căn cứ khả năng và nhu cầu của hai bên.

*Hôm nay, ngày 23 tháng 3 năm 2023, tại Văn phòng Công ty TNHH Một thành viên Phát triển Khu Công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh, chúng tôi gồm có:*

**BÊN A: Công Ty TNHH NIDEC VIỆT NAM Corporation**

Đại diện : ông SATO HIDEKAZU Chức vụ: Tổng giám đốc

Địa chỉ : Lô I1-N2 Khu Công nghệ cao, phường Tân Phú, TP Thủ Đức, TP HCM, Việt Nam.

Điện thoại : 028 3736 0074.

Mã số thuế : 0304227309

**BÊN B: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHỆ CAO TP.HCM**

Đại diện : **Ông NGUYỄN ĐỨC HIỀN** Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ : 46/26 Nguyễn Cửu Vân, P17, Q.Bình Thạnh, TP.HCM

VPGD : Khu G3, Đường D1, Khu Công nghệ cao, phường Tân Phú, Thành phố Thủ Đức, TP.HCM.

Điện thoại : (028) 3730 5276 Fax: (028) 3730 5274

Mã số thuế : 0300376966

Tài khoản : 31410000264937 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đông Sài Gòn.

Bên A và Bên B đồng ý thỏa thuận ký kết hợp đồng dịch vụ với các điều khoản sau:

**Điều 1. Nội dung dịch vụ.**

1.1 Bên B nhận thu gom, vận chuyển chất thải rắn thông thường *(rác sinh hoạt)* không nguy hại cho Bên A.

Địa điểm thu gom: Lô I1-N2 Khu Công nghệ cao, phường Tân Phú, TP Thủ Đức, TP HCM, Việt Nam.

Thời gian thu gom và vận chuyển: *theo thỏa thuận của hai bên.*

1.2 Thời hạn hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày ký.

**Điều 2. Đơn giá và phương thức thanh toán.**

2.1 **Đơn giá thu gom, vận chuyển chất thải rắn thông thường (rác sinh hoạt): 176.800 đồng/ $m^3$**

**Ghi chú**

- ***Đơn giá trên chưa bao gồm thuế GTGT. Thuế VAT sẽ điều chỉnh theo Nghị định của Nhà Nước.***
- ***Đơn giá trên chưa bao gồm chi phí vận chuyển theo Quyết định số 20/2021/QĐ-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.***

2.2 **Phương thức thanh toán:** Cuối mỗi tháng, căn cứ vào khối lượng chất thải rắn thông thường không nguy hại *(rác sinh hoạt)* Bên B đã thu gom và vận chuyển thực tế được hai bên xác nhận, Bên B xuất hóa đơn tài chính cho Bên A và Bên A thanh toán cho bên B theo hình thức chuyển khoản sau 07 đến 10 ngày kể từ ngày nhận được hóa đơn đỏ.

**Điều 3. Trách nhiệm hai bên.**

3.1 **Trách nhiệm của Bên A.**

3.1.1. Có trách nhiệm bố trí khu vực chứa chất thải rắn thông thường không không nguy hại *(rác sinh hoạt)* để thuận tiện cho Bên B thu gom và vận chuyển.

3.1.2. Khi Bên B đến thu gom, vận chuyển rác sinh hoạt, Bên A sẽ có nhân viên giám sát và xác nhận khối lượng thực tế phát sinh để làm cơ sở thanh toán hàng tháng. Bên A thanh toán chi phí cho việc thu gom và vận chuyển rác sinh hoạt hàng tháng cho bên B sau khi nhận được giấy báo đề nghị thanh toán dịch vụ và hoá đơn tài chính của Bên B.

3.1.3. Đảm bảo toàn bộ khối lượng rác thải sinh hoạt mà bên B thu gom, vận chuyển tại các thùng chứa rác của bên A đều phải là rác sinh hoạt không độc hại và không được trộn lẫn với các chủng loại rác khác đã được phân loại theo quy định của pháp luật.

3.1.4. Trường hợp khối lượng rác sinh hoạt phát sinh ngoài dự kiến, bên A phải báo trước cho Bên B trước 36 giờ để Bên B điều động thêm chuyến xe lấy rác như quy định tại Điều 1.

3.2 **Trách nhiệm của Bên B.**

3.2.1. Bảo đảm thu gom và vận chuyển toàn bộ chất thải rắn thông thường không nguy hại *(rác sinh hoạt)* thỏa thuận tại Điều 1.

3.2.2. Phương tiện chuyên chở được trang bị những thiết bị bảo đảm theo đúng quy định của ngành vệ sinh môi trường.

3.2.3. Trong trường hợp xe (máy móc) chuyên dụng hư hỏng, Bên B sẽ sắp xếp, bố trí thay thế phương tiện để vận chuyển, bốc xếp toàn bộ chất thải trong ngày.

3.2.4. Bên B từ chối thu gom, vận chuyển hoặc có thể đơn phương chấm dứt hợp đồng nếu phát hiện các loại chất thải nguy hại, các chủng loại rác khác đã được phân loại theo quy định pháp luật và những chất liệu không hợp pháp, gây cháy, nổ hoặc hoá chất độc hại trộn lẫn trong thành phần chất thải rắn thông thường của Bên A.

3.2.5. Bên B vận chuyển, bốc xếp rác của Bên A về Trạm Trung chuyển 691 đường Quang Trung, phường 8, Q. Gò Vấp, TP HCM.

**Điều 4. Chấm dứt hợp đồng.**

Hợp đồng này được chấm dứt trước thời hạn khi xảy ra một trong những trường hợp sau:

– Hai Bên cùng thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn theo những điều kiện mà hai Bên chấp thuận và ký kết thực hiện.

– Khi Bên A hoặc Bên B vi phạm những điều khoản của hợp đồng này. Việc chấm dứt hợp đồng sẽ được một trong hai bên báo cho bên kia trước 07 (bảy) ngày bằng thông báo kể từ ngày hai bên lập biên bản vi phạm.

**Điều 5. Trách nhiệm do vi phạm hợp đồng.**

– Điều chỉnh đơn giá thu gom theo các quy định của UBNDTP hoặc các Sở ban ngành liên quan.

– Các trường hợp sau đây sẽ tiến hành tạm ngưng thực hiện hợp đồng:

+ Bên A không trả tiền cung ứng dịch vụ theo nội dung hợp đồng.

+ Do các điều kiện bất khả kháng như thiên tai, chiến tranh, hỏa hoạn hoặc các trường hợp khác có tính chất tương tự.

**Điều 6. Điều khoản chung.**

6.1 Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và mặc nhiên được gia hạn từng năm một. Nếu có nhu cầu kết thúc dịch vụ, các bên phải có văn bản thông báo cho bên còn lại ít nhất trước 15 ngày khi hợp đồng kết thúc theo quy định tại Khoản 1.2 Điều 1 hợp đồng này. Nếu trong thời gian thực hiện một trong hai bên có nhu cầu thay đổi nội dung đã ký trong hợp đồng thì phải thông báo cho bên kia trước 15 ngày để cùng nhau giải quyết.

6.2 Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản đã thoả thuận trong hợp đồng. Nếu có tranh chấp không thoả thuận được thì vụ việc được đưa ra Toà án có thẩm quyền giải quyết theo Luật định, kết luận của Tòa án là chung thẩm.

6.3 Sau khi thực hiện xong hợp đồng, hai Bên hoàn tất nghĩa vụ với nhau và không ký lại Hợp đồng mới (hoặc Phụ lục hợp đồng) thì hợp đồng này có thêm giá trị tự thanh lý.

6.4 Hợp đồng này được lập thành 06 bản tiếng Việt, Bên A giữ 03 bản, Bên B giữ 03 bản và có giá trị như nhau.

| ĐẠI DIỆN BÊN A | ĐẠI DIỆN BÊN B |
|---|---|
| CÔNG TY TNHH NIDEC VIỆT NAM CORPORATION | CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHỆ CAO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH |
| SATO HIDEKAZU, President | Nguyễn Đức Hiền |

CTY TNHH TM và SX NGỌC TÂN KIÊN
481 Kinh Dương Vương, F.An Lạc, Q.Bình Tân, Tp HCM
ĐT: 0283. 877 0847 / 0723 779 495

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAI
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

# HỢP ĐỒNG THU GOM, VẬN CHUYỂN, XỬ LÝ CTNH

*Số: 0107/NTK-NIDECVN/23*

*Căn cứ Luật Thương Mại số 36/2005/QH11 do Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14/06/2005 có hiệu lực từ ngày 01/01/2006.*

*Căn cứ Luật bảo vệ Môi Trường số 72/2020/QH14 do Quốc Hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/11/2020, có hiệu lực từ ngày 01/01/2022.*

*Căn cứ vào Thông tư 02/2022/TT-BTNMT do Bộ Tài Nguyên và Môi trường ban hành ngày 10/01/2022, có hiệu lực ngày 10/01/2022.*

*Căn cứ vào Nghị định 08/2022/NĐ-CP do Chính Phủ nước Cộng Hòa xã Hội chủ Nghĩa Việt Nam ban hành ngày 10/01/2022, có hiệu lực ngày 10/01/2022.*

*Căn cứ vào nhu cầu của CÔNG TY TNHH NIDEC VIET NAM*

*Căn cứ vào giấy phép QLCTNH của Công ty TNHH TM và SX Ngọc Tân Kiên mã số: 1-2-3-4-5-6.029.VX ngày 10 tháng 01 năm 2022.*

*Hôm nay, ngày 01 tháng 07 năm 2023, chúng tôi đại diện 2 bên gồm :*

**BÊN A : CÔNG TY TNHH NIDEC VIETNAM CORPORATION**

Do Ông : **SATO HIDEKAZU** Tổng Giám Đốc công ty làm đại diện
Địa chỉ : Lô I1-N2, Khu Công Nghệ Cao, phường Tân Phú, Tp.Thủ Đức, Tp.HCM
Điện thoại : 028.373600074-76 Fax: 028.37360073
Mã số thuế : 0 3 0 4 2 2 7 3 0 9

**BÊN B :CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT NGỌC TÂN KIÊN**
**NGOCTANKIEN TRADING AND MANUFACTURING CO.,LTD**

Địa chỉ : 481 Kinh Dương Vương – P. An Lạc – Quận Bình Tân – TP. HCM
Địa chỉ cơ sở : Lô G5-4, MB4-1& MB2-4, KCN Đức Hòa I– Đức Hòa Đông, Long An
Điện thoại : 028 38770847
Mã số thuế : 0303907051
Tài khoản : 80833969- Ngân hàng ACB – PGD An Lạc
Đại diện : Bà **HỒ THỊ KIM HÀ** Chức vụ : Giám đốc

***Cùng thỏa thuận ký kết hợp đồng theo các điều khoản sau đây :***

**ĐIỀU 1: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG**

Bên A đồng ý giao cho Bên B thu gom, vận chuyển, xử lý, tiêu hủy các loại chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động của bên A. (thể hiện tại điều 2 của hợp đồng)

1.1 Địa điểm thu gom : Lô I1-N2, Khu Công Nghệ Cao, phường Tân Phú, Tp.Thủ Đức, Tp.HCM

1.2 Địa điểm xử lý: Lô G05-4, MB 4-1& MB2-4, KCN Đức Hòa I, Đức Hòa, Long An.

**ĐIỀU 2: DANH MỤC CHẤT THẢI**

2.1 Danh mục chất thải thể hiện trong Phụ Lục 01 của hợp đồng này.

2.2 Số lượng chất thải căn cứ thực tế bên A giao cho bên B tại kho của bên A (theo biên bản – chứng từ giao nhận có xác nhận của đại diện hai bên).

2.3 Đơn giá xử lý (bao gồm thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý) thể hiện trong Phụ Lục 01 của hợp đồng này.

**ĐIỀU 3: HÌNH THỨC THANH TOÁN**

**Cho việc xử lý chất thải (bên A thanh toán cho bên B)**

- Phương thức thanh toán: Bên A thanh toán cho bên B theo phương thức chuyển khoản bằng tiền đồng việt Nam, căn cứ vào số lượng thực tế thu gom Bên B xuất hóa đơn cho Bên A.
- Thời gian thanh toán: bên A thanh toán cho bên B trong vòng 15 ngày kể từ ngày bên A nhận được hóa đơn tài chính do bên B phát hành.

**ĐIỀU 4: TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN**

Bên A phải cung cấp bản sao Sổ chủ nguồn thải và các hồ sơ pháp lý có liên quan do Bên B yêu cầu.

Bên B phải cung cấp cho Bên A Giấy phép xử lý chất thải nguy hại.

**4.1 Trách nhiệm của bên A**

- Phân loại chất thải nguy hại thành từng loại riêng biệt theo đúng quy định về quản lý chất thải hiện hành. Các loại chất thải chứa trong các thùng chứa riêng biệt có dán nhãn chất thải và lưu trữ tại một khu vực cố định và thuận tiện cho việc thu gom, vận chuyển CTNH.
- Trong trường hợp cần chuyển giao chất thải đột xuất, bên A phải thông báo cho bên B ít nhất 06 giờ để bên B sắp xếp xe thu gom và vận chuyển.
- Khi bàn giao CTNH bên A phải tuân thủ theo đúng trách nhiệm của chủ nguồn thải về việc lập chứng từ chất thải nguy hại theo Thông tư quản lý chất thải nguy hại hiện hành (TT số 36/2015/TT-BTNMT)
- Khi bàn giao CTNH bên A phối hợp với bên B để hoàn thành chứng từ chất thải nguy hại theo TT 02/2022/TTBTNMT

- Bên A sẽ cung cấp, hướng dẫn các chỉ dẫn về an toàn trong khuôn viên của Bên A và thông báo cho Bên B biết về các thủ tục an toàn được áp dụng để bên B tuân thủ đúng khi vào nhà máy bên A để thu gom chất thải.
- Giao chất thải cho các xe có trong giấy phép của bên B.
- Trong thời gian hợp đồng còn hiệu lực, bên A không được giao các loại chất thải nguy hại có trong Phụ Lục 01 cho đơn vị khác. Nếu bên A vi phạm thì bên B sẽ tự chấm dứt hợp đồng và bên A phải chịu toàn bộ trách nhiệm trước pháp luật.

**4.2 Trách nhiệm của bên B**

- Tuân thủ nội quy của bên A khi vào nhà máy để thu gom chất thải.
- Hỗ trợ và cho bên A mượn các thùng chứa chất thải nguy hại theo yêu cầu của bên A.
- Trong trường hợp bên A có yêu cầu đột xuất thì bên B sẵn sàng hỗ trợ để thu gom và xử lý chất thải theo yêu cầu.
- Chịu trách nhiệm thu gom, vận chuyển chất thải của bên A và lưu giữ, xử lý chúng tại nhà máy của bên B (Lô G05-4, MB4-1& MB2-4, KCN Đức Hòa 1, Đức Hòa Đông, Đức Hòa, Long An) theo quy định hiện hành về quản lý CTNH của Nhà nước Việt Nam.
- Hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu để chất thải gây ảnh hưởng đến môi trường sau khi chất thải đã được vận chuyển ra khỏi kho của bên A.
- Thông báo xe vận chuyển và tài xế cho bên A biết trước khi tiến hành thu gom, vận chuyển chất thải tại nhà máy của bên A. Phương tiện sử dụng được đăng ký trong giấy phép vận chyển chất thải nguy hại do Tổng cục môi trường cấp.
- Khi đến nơi làm việc của bên B, bên A phải tuân thủ các quy định sau:
  + Phải đảm bảo các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn được kiểm định và quản lý theo đúng với quy định pháp luật hiện hành;
  + Nhân viên vận hành các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn phải có chứng chỉ huấn luyện an toàn liên quan;
  + Nhân viên phải làm việc an toàn, phải được trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân phù hợp, đầy đủ và phải sử dụng trong suốt thời gian làm việc tại bên B;
  + Đảm bảo các thiết bị, phương tiện hoạt động an toàn và không bị rò rỉ dầu, nhớt, xăng hoặc các chất nguy hiểm khác gây ảnh hưởng đến môi trường của bên B và môi trường bên ngoài.
- Không nhận chất thải ngoài danh mục theo Phụ Lục 01
- Thực hiện kiểm tra, xác nhận và chuyển giao biên bản giao nhận và chứng từ chất thải nguy hại cho bên A.

**ĐIỀU 5: ĐIỀU KHOẢN CHUNG**

- Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các điều khoản đã ký, nếu có gì khó khăn hoặc phát sinh trong quá trình thực hiện hai bên sẽ thỏa thuận giải quyết và được thể hiện bằng phụ lục hợp đồng.
- Mọi tranh chấp liên quan phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng này, hai bên cùng nhau đàm phán trên tinh thần hợp tác và cùng nhau giải quyết. Nếu việc đàm phán không đi đến thống nhất và không giải quyết được thì sẽ đưa ra tòa án Kinh tế Thành Phố Hồ Chí Minh để giải quyết. Phán quyết của tòa án là cơ sở xác định đúng sai, mọi chi phí tố tụng do bên có lỗi chịu.
- Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký đến 31/12/2024, 30 ngày trước khi kết thúc hợp đồng, hai bên thỏa thuận lại việc thanh lý và gia hạn hợp đồng. Đến thời hạn kết thúc hợp đồng, khi hai bên hoàn tất hết các nghĩa vụ về các thủ tục, về thanh toán thì hợp đồng mặc nhiên tự thanh lý.
- Hợp đồng này được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 (một) bản có giá trị pháp lý như nhau.

| ĐẠI DIỆN BÊN A | ĐẠI DIỆN BÊN B |
|---|---|
| CÔNG TY TNHH NIDEC VIỆT NAM CORPORATION | |
| SATO HIDEKAZU | HỒ THỊ KIM HÀ |

## PHỤ LỤC SỐ 01

(Đính kèm Hợp đồng Số: *0107/NTK-NIDECVN/23*)

| STT NO | CHẤT THẢI | Trạng thái | Mã CTNH | LƯỢNG PHÁT SINH TRUNG BÌNH (Kg/năm) | ĐƠN GIÁ XỬ LÝ (VNĐ) |
|---|---|---|---|---|---|
| **I** | **CHẤT THẢI NGUY HẠI** | | | | |
| 1 | Dầu bôi trơn thải | Lỏng | 17 02 03 | 24.000 | 1.700 |
| 2 | Nước rửa khuôn | Lỏng | 07 01 06 | 3.600 | 2.200 |
| 3 | Chất thải vô cơ chứa thành phần nguy hại (sắt dập nhiễm dầu) | Rắn | 19 03 01 | 4.800.000 | 120 |
| 4 | Vải lau, bao tay dính dầu | Rắn | 18 02 01 | 18.000 | 5.000 |
| 5 | Bột mạ | Rắn | 08 01 03 | 43.000 | 3.400 |
| 6 | Bao bì mềm | Rắn | 18 01 01 | 2.200 | 3.400 |
| 7 | Hộp kim loại | Rắn | 18 01 02 | 13.000 | 3.400 |
| 8 | Hộp nhựa | Rắn | 18 01 03 | 8.000 | 9.000 |
| 9 | Bóng đèn huỳnh quang hỏng | Rắn | 16 01 06 | 120 | 9.000 |
| 10 | Pin tiểu thải | Rắn | 19 06 01 | 24 | 5.700 |
| 11 | Hộp mực in | Rắn | 08 02 04 | 60 | 5.700 |
| 12 | Linh kiện điện tử | Rắn | 19 02 06 | - | 6.000 |
| **II** | **CHẤT THẢI CÔNG NGHIỆP** | | | | |
| 1 | Rác Thông Thường | Rắn | - | 21.183 | 1.300 |
| 2 | Kiban | Rắn | - | 6.594 | 1.300 |
| 3 | Mút Xốp | Rắn | - | 451 | 1.300 |
| 4 | Khác | Rắn | - | - | 1.300 |
| 5 | Nhựa huỷ | Rắn | - | 8.510 | 1.300 |

*Ghi chú*: Nếu đơn giá có sự thay đổi do ảnh hưởng của thị trường thì Bên B sẽ gửi thông báo cho bên A về việc thay đổi đơn giá.

| ĐẠI DIỆN BÊN A | ĐẠI DIỆN BÊN B |
|---|---|
| CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT NGỌC TÂN KIẾN | CÔNG TY TNHH NIDEC VIỆT NAM CORPORATION |
| HỒ THỊ KIM HÀ | SATO HIDEKAZU |

CÔNG TY TNHH TM VÀ SX NGỌC TÂN KIÊN
481 Kinh Dương Vương, P.An Lạc, Q.Bình Tân
ĐT: 028.3877 0847

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập-Tự Do –Hạnh Phúc

# HỢP ĐỒNG KINH TẾ

V/v: Thu mua phế liệu

Số: 29/HĐTM_NVN-NTK/2023

- Căn cứ Luật thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/06/2005 của nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14/06/2005, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2006.
- Căn cứ Luật bảo vệ Môi Trường số 72/2020 do Quốc Hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/11/2020.
- Căn cứ vào Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ban hành ngày 10/01/2022 về Quản lý chất thải và phế liệu;
- Căn cứ vào Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ban hành ngày 10/01/2022 quy định về Quản lý chất thải nguy hại;
- Căn cứ vào giấy phép QLCTNH của Công ty TNHH TM và SX Ngọc Tân Kiên mã số: 1-2-3-4-5-6.029.VX ngày 10 tháng 01 năm 2022.
- Căn cứ vào yêu cầu và khả năng của hai Công ty.

Hôm nay, ngày 01 tháng 07 năm 2023, tại văn phòng Công ty TNHH Nidec VN, chúng tôi gồm:

**BÊN A : CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT NGỌC TÂN KIÊN**

Bà : **HỒ THỊ KIM HÀ** Giám Đốc công ty làm đại diện
Địa chỉ : 481 Kinh Dương Vương, phường An Lạc, Quận Bình Tân, Tp.HCM
Địa chỉ NM : Lô G05-4 và lô MB4-1 KCN Đức Hòa 1, Đức Hòa Đông, Đức Hòa, Long An
Điện thoại : (028).3877.0847
Mã số thuế : 0 3 0 3 9 0 7 0 5 1

**BÊN B : CÔNG TY TNHH NIDEC VIET NAM CORPORATION**

Ông : **SATO HIDEKAZU** Tổng Giám Đốc công ty làm đại diện
Địa chỉ : Lô I1-N2 Khu Công Nghệ Cao, phường Tân Phú, Quận 9, TP.HCM
Điện thoại : 028.37360074-76 Fax: 028.37360073
Mã số thuế : 0 3 0 4 2 2 7 3 0 9

Sau khi bàn bạc hai bên nhất trí ký kết Hợp đồng thu mua phế liệu theo các điều khoản sau:

**ĐIỀU 1 : NỘI DUNG HỢP ĐỒNG:**

Bên B đồng ý bán và bên A đồng ý nhận thu mua phế liệu công nghiệp còn giá trị thương mại phát sinh sau quá trình sản xuất như: giấy, đồng, sắt, nhựa, v.v...phế liệu tại nhà máy của bên B, địa chỉ Lô I1-N2 Khu Công Nghệ Cao, phường Tân Phú, Quận 9, Tp.HCM

**ĐIỀU 2 : ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG:**

- Việc giao nhận hàng giữa hai bên được thực hiện nhiều lần theo số lượng, đơn giá hợp đồng.
- Khi giao hàng phải có sự chứng kiến của đại diện đầy đủ thẩm quyền cả hai Bên tại nơi giao hàng để xác nhận lượng hàng thực tế giao.
- Bên A sẽ thông báo danh sách nhân viên giao nhận cho bên B.

- Khi đến nơi làm việc của bên B, bên A phải tuân thủ các quy định sau:
  + Phải đảm bảo các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn được kiểm định và quản lý theo đúng với quy định pháp luật hiện hành;
  + Nhân viên vận hành các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn phải có chứng chỉ huấn luyện an toàn liên quan;
  + Nhân viên phải làm việc an toàn, phải được trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân phù hợp, đầy đủ và phải sử dụng trong suốt thời gian làm việc tại bên B;
  + Đảm bảo các thiết bị, phương tiện hoạt động an toàn và không bị rò rỉ dầu, nhớt, xăng hoặc các chất nguy hiểm khác gây ảnh hưởng đến môi trường của bên B và môi trường bên ngoài.
- Bên A phải tuân thủ theo các quy định của Nhà nước Việt Nam và các quy định của chính quyền địa phương về thu gom phế liệu.
- Bên A phải tuân thủ các thủ tục giấy tờ hải quan và các loại thuế liên quan khác.
- Bên A phải tuân thủ nội quy của bên B khi vào nhận hàng, thực hiện đầy đủ thủ tục xuất hàng ra khỏi nhà máy.
- Bên A cam kết không gợi ý hoặc thực hiện hành vi cung cấp tiền mặt, quà tặng hoặc các lợi ích khác cho nhân viên, người phụ trách của Bên B.
- Bên A cam kết sẽ báo với Bên B khi nhân viên, người phụ trách của bên B có hành vi gợi ý, đòi hỏi việc cung cấp tiền mặt, quà tặng, hoặc các lợi ích khác trong quá trình thực hiện hợp đồng.
- Bên A cam kết không thực hiện hành vi thông đồng với nhân viên, người phụ trách của Bên B hoặc có hành vi khác làm tổn hại đến lợi ích của Bên B và có biện pháp quản lý người phụ trách của Bên A không thực hiện hành vi này.
- Trong trường hợp Bên B phát hiện hành vi bất chính của Bên A thì Bên B có quyền ngay lập tức chấm dứt hợp đồng với Bên A và sẽ không giao dịch với Bên A nữa.
- Trong trường hợp Bên A đang cung cấp tiền mặt, quà tặng hoặc các lợi ích khác cho nhân viên, người phụ trách của Bên B mà báo với Bên B thì Bên B sẽ tiến hành xử lý, chấn chỉnh lại mối quan hệ bất chính này và vẫn sẽ tiến hành giao dịch bình thường với Bên A.
- Nếu Bên B phát hiện hành vi của Bên A làm tổn hại đến lợi ích của Bên B thì Bên A phải bồi thường toàn bộ các thiệt hại mà Bên B đã chịu.

**ĐIỀU 3 : DANH MỤC PHẾ LIỆU – ĐƠN GIÁ**

Danh mục phế liệu - Đơn giá thu mua theo Phụ lục hợp đồng đính kèm.

**Ghi chú:** Đơn giá trên áp dụng trong vòng 03 tháng, sau mỗi ba tháng sẽ tiến hành báo giá lại 01 lần theo giá thị trường. Nếu có sự thay đổi về giá thì hai bên sẽ bổ sung bằng phụ lục hợp đồng. Các bản phụ lục hợp đồng ký kết về sau sẽ là một bộ phận không thể tách rời của hợp đồng này.

**ĐIỀU 4: HÌNH THỨC THANH TOÁN:**

Hàng tháng Bên A sẽ thanh toán cho Bên B bằng tiền VNĐ, chuyển khoản vào tài khoản của Bên B trong vòng 30 ngày kể từ ngày bên A nhận hóa đơn tài chính do bên B phát hành.

ĐIỀU 5 : THỜI HẠN HỢP ĐỒNG:

- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày hai Bên ký đến hết ngày 31/12/2024.
- Sau mỗi ba tháng sẽ tiến hành báo giá lại một lần theo giá thị trường. Nếu giá cả có thay đổi thì hai bên sẽ bổ sung bằng phụ lục hợp đồng. Các bản phụ lục hợp đồng ký kết về sau sẽ là một bộ phận không thể tách rời của Hợp đồng này.

ĐIỀU 6 : ĐIỀU KHOẢN CHUNG:

- Hai Bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản ghi trong hợp đồng này.
- Trong quá trình thực hiện có gì phát sinh vướng mắc hai bên chủ động gặp nhau bàn bạc cụ thể trên tinh thần hợp tác lâu dài cùng có lợi.
- Hợp đồng này được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 (một) bản có giá trị pháp lý như nhau.

| ĐẠI DIỆN BÊN A | ĐẠI DIỆN BÊN B |
|---|---|
| HỒ THỊ KIM HÀ | SATO HIDEKAZU, President |

CÔNG TY TNHH TM VÀ SX NGỌC TÂN KIÊN
481 Kinh Dương Vương, P.An Lạc, Q.Bình Tân
ĐT: 028.3877 0847

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập-Tự Do –Hạnh Phúc

# PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG

(Đính kèm Hợp đồng kinh tế số 29/HĐTM_NVN-NTK/2023)

ĐƠN GIÁ HỢP ĐỒNG

| Item | No. | Scrap name/ Tên vật liệu | ĐƠN GIÁ THU MUA (VNĐ) |
|---|---|---|---|
| THÉP STEEL | 1 | Thép dập phế liệu dính dầu<br>Steel punching scrap with oil | 7.220 |
| | 2 | Sắt phế liệu nhiễm từ<br>Magnetic iron scrap | 4.500 |
| | 3 | Sắt sạch phế liệu<br>Steel scrap (Fresh) | 7.500 |
| | 4 | Sắt phế liệu (từ phuy sắt 200L)<br>Iron scrap recovered from iron drum 200liter | 7.000 |
| | 5 | Sắt dính nhựa (DCM Ring) phế liệu | 6.000 |
| GIẤY PAPER | 1 | Giấy carton phế liệu<br>Carton paper (scrap) | 3.000 |
| | 2 | Giấy copy (phế liệu)<br>Copy paper (scrap) | 3.000 |
| ĐỒNG COPPER | 1 | Dây đồng phế liệu<br>Copper wire (Red) | 130.500 |
| | 2 | Đồng thau phế liệu<br>Brass Copper (yellow) | 80.000 |
| | 3 | Đồng dính nhựa phế liệu<br>Copper scrap (with plastic) | 22.000 |
| | 4 | Dây điện phế liệu<br>Electric wire scrap | 43.000 |
| | 5 | Đồng vụn phế liệu<br>Broken copper scrap | 120.000 |
| NHÔM/ ALUMINIUM | 1 | Nhôm phế liệu<br>Aluminium scrap | 26.000 |

| | | | |
|---|---|---|---|
| ĐỒNG/ COPPER | 1 | Đồng vụn loại 2 (vàng) phế liệu<br>Broken copper type 2 (yellow) scrap | 53.000 |
| | 2 | Đồng vụn loại 1 (xanh) phế liệu<br>Broken copper type 1 (green) scrap | 65.000 |
| | 3 | Đồng vụn đen phế liệu<br>Black slag scrap | 60.000 |
| NHỰA NYLON, CAO SU PLASTIC, RESIN,RUBBER | 1 | Nhựa phế liệu (Bobin trắng, vỉ nhựa trắng)<br>White bobin, white plastic blister (scrap) | 10.500 |
| | 2 | Bobin đen (phế liệu)<br>Black bobin (scrap) | 6.200 |
| | 3 | Nhựa cánh quạt phế liệu<br>Impera, HOS | 3.300 |
| | 4 | Khay nhựa PET phế liệu<br>Plastic PET Tray Scrap | 5.800 |
| | 5 | Sắt dính đồng phế liệu Loại 2 (trong đó: sắt 98%, đồng 2%)<br>Steel with copper (scrap) – Type 2 | 12.880 |
| | 6 | Sắt dính đồng phế liệu Loại 3 (trong đó: sắt 99%, đồng 1%)<br>Steel with copper (scrap) – Type 3 | 10.120 |
| | 7 | Sắt dính đồng phế liệu Loại 1 (trong đó: sắt 97%, đồng 3%)<br>Steel with copper (scrap) – Type 1 | 23.000 |
| | 8 | Khay nhựa màu phế liệu<br>Plastic Color Tray Scrap | 750 |
| | 9 | Nhựa phế liệu PA (Nylon) (nhựa trắng)<br>Plastic scrap PA (Nylon) (White plastic) | 750 |
| | 1 | Nhựa J6083HP phế liệu | 7.800 |
| | 2 | Nhựa PBT tổng hợp phế liệu | 2.480 |
| | 3 | Nhựa PBT tổng hợp phế liệu (CN) | 2.000 |
| | 3 | Nhựa VGR-30 phế liệu | 5.600 |
| | 4 | Nhựa KINGFA RG301BK32 phế liệu | 2.850 |
| | 5 | Nhựa KINGFA RG301BK32 phế liệu (CN) | 2.000 |
| | 6 | Nhựa KINGFA RG301BK33 phế liệu | 2.850 |
| | 7 | Nhựa KINGFA RG301BK33 phế liệu (CN) | 2.000 |
| | 8 | Nhựa M25-44 phế liệu | 3.400 |
| | 9 | Nhựa DURANEX phế liệu | 3.400 |
| | 10 | Nhựa WIP (CN-7030LB) phế liệu | 3.300 |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | 11 | Nhựa KEPITAL phế liệu | 6.700 |
| | 12 | Nhựa TENAC (LZ750) phế liệu | 7.400 |
| | 13 | Nhựa TENAC (LZ750) phế liệu (CN) | 6.700 |
| | 14 | Nhựa 103HSL phế liệu | 6.400 |
| | 15 | Nhựa 153HSL phế liệu | 6.400 |
| | 16 | Nhựa S2000R phế liệu | 8.200 |
| | 17 | Nhựa S2000R phế liệu (CN) | 7.100 |
| | 18 | Nhựa TORAY 1164G-30 phế liệu | 3.200 |
| | 19 | Nhựa GSH2030 KR phế liệu | 8.000 |
| | 20 | Nhựa PPS X95B phế liệu | 3.200 |
| | 21 | Nhựa SP NG CHANGCHUN phế liệu | 2.600 |
| | 22 | Nhựa KAIFA - 301 G30 phế liệu | 2.300 |
| | 23 | Nhựa KINGFA KP 666 phế liệu | 1.600 |
| | 24 | Nhựa NOVATEC (L5927) phế liệu | 4.700 |
| | 25 | Nhựa màu phế liệu | 3.200 |
| | 26 | Nhựa PBT loại cục phế liệu | 1.650 |
| | 27 | Nhựa PC, PC-ABS, POM, PP, PPS, ABS loại cục phế liệu | 1.650 |
| | 28 | Nhựa NG loại cục phế liệu | 1.650 |
| | 29 | Nhựa BK001 phế liệu | 1.650 |
| | 30 | Nhựa MBB phế liệu | 400 |

Ghi chú: Tất cả các phế liệu Bên B bán cho Bên A tại Hợp đồng số kinh tế số 29HĐTM_NVN-NTK/2023 ngày 01/07/2023 là được loại ra từ quá trình sản xuất do nhiễm từ, dính dầu .... nằm trong định mức cho phép, không còn giá trị thương mại.

| | |
|---|---|
| ĐẠI DIỆN BÊN A | ĐẠI DIỆN BÊN B |
| CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT NGỌC TÂN KIỆN | CÔNG TY TNHH NIDEC VIỆT NAM CORPORATION |
| HỒ THỊ KIM HÀ | SATO HIDEKAZU, President |

| | |
|---|---|
| SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG<br>THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH<br>**THANH TRA SỞ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Số: 36 /QĐ-XPVPHC | *Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 5 năm 2021* |

# QUYẾT ĐỊNH
## Xử phạt vi phạm hành chính

*Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Biên bản vi phạm hành chính số 36/BB-VPHC do ông Đặng Lê Hiền và bà Đặng Vũ Bảo Khanh lập hồi 10 giờ 00 ngày 29 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Sở Tài nguyên và Môi trường;*

*Tôi: Đặng Tuấn Khoa,*

*Chức vụ: Chánh Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường,*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1. Xử phạt vi phạm hành chính đối với tổ chức:**

1. Công ty TNHH Nidec Việt Nam Corporation.

Địa chỉ trụ sở chính: Lô I1-N2 Khu Công nghệ cao, phường Tân Phú, quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mã số doanh nghiệp 0304227309 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp, đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 10 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 13 tháng 8 năm 2018.

Địa chỉ vi phạm: Lô I1-N2 Khu Công nghệ cao, phường Tân Phú, quận 9 (nay là khu vực 2 - thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: ông Kita Keiji – Tổng Giám đốc.

2. Đã có hành vi vi phạm: thực hiện không đúng một trong các nội dung kế hoạch bảo vệ môi trường đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận.

3. Quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 8 Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường

4. Các tình tiết tăng nặng: Không.

5. Các tình tiết giảm nhẹ: Không.

6. Bị áp dụng hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả như sau:

a) Hình thức phạt chính: Phạt tiền **6.000.000 đồng** (Sáu triệu đồng).

b) Hình thức phạt bổ sung: Không.

c) Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc Công ty TNHH Nidec Việt Nam Corporation thực hiện đúng các nội dung kế hoạch bảo vệ môi trường đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận, trường hợp có thay đổi phải thông báo bằng văn bản đến cơ quan có thẩm quyền để được xử lý theo quy định.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Quyết định này được:

1. Giao cho ông Kita Keiji, là đại diện cho tổ chức vi phạm có tên tại Điều 1 Quyết định này để chấp hành.

Công ty Công ty TNHH Nidec Việt Nam Corporation phải nghiêm chỉnh chấp hành Quyết định xử phạt này. Nếu quá thời hạn mà Công ty TNHH Nidec Việt Nam Corporation không tự nguyện chấp hành sẽ bị cưỡng chế thi hành theo quy định của pháp luật.

Trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận được Quyết định xử phạt, Công ty TNHH Nidec Việt Nam Corporation phải nộp số tiền phạt hoặc chuyển khoản (nội dung: nộp phạt vi phạm hành chính; số tài khoản 7111.1046142; Chương 426; NDKT 4261, cơ quan quản lý thu: Sở Tài chính) tại một trong các Chi nhánh ngân hàng được Kho bạc Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh ủy nhiệm thu ngân sách nhà nước:

- 0071009999979 tại Ngân hàng Vietcombank Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.

- 13010006710906 tại Ngân hàng BIDV Chi nhánh Sở Giao dịch 2.

- 121000797979 tại Ngân hàng Vietinbank Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.

- 1600203000010 tại Ngân hàng Agribank Chi nhánh Sài Gòn.

- 1031208797979 tại Ngân hàng MB Chi nhánh Sở Giao dịch 2.

Công ty TNHH Nidec Việt Nam Corporation phải nộp biên lai hoặc ủy nhiệm chi cho Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường tại số 63 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, Quận 1.

Công ty TNHH Nidec Việt Nam Corporation có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện hành chính đối với Quyết định này theo quy định của pháp luật.

2. Gửi cho Kho bạc Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh để thu tiền phạt;

3. Gửi cho Ủy ban nhân dân Thành phố Thủ Đức để phối hợp tổ chức thực hiện;

4. Gửi cho Ban quản lý Khu công nghệ cao để phối hợp tổ chức thực hiện.

Quyết định gồm 03 (ba) trang, được đóng dấu giáp lai giữa các trang./.

***Nơi nhận:***
- Như điều 3;
- Chi cục Bảo vệ môi trường;
- Lưu: DTVT, K. 6b

**NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH**

**Đặng Tuấn Khoa**
**Chánh Thanh tra**
**Sở Tài nguyên và Môi trường**

MUFG

MUFG Bank, Ltd.
Ho Chi Minh City Branch
8th Fl. The Landmark, 5B Ton Duc Thang St.
Dist 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel. 84-28-3823-1500 Fax. 84-28-3823-1558

NIDEC VIETNAM CORPORATION

LO I1-N2, KHU CONG NGHE CAO,
PHUONG TAN PHU, QUAN 9, THANH PHO
HO CHI MINH, VIET NAM.

( 70003961 )

CHUYỂN TIỀN ĐI TRONG NƯỚC
OUTGOING DOMESTIC REMITTANCE

Ngày(năm/tháng/ngày) : 2021/05/13
Date (yyyy/mm/dd)
Số tham chiếu : 3640-BLO-1944116
Our Ref

# GIẤY BÁO NỢ
# ADVICE OF DEBIT

Xin thông báo, theo yêu cầu, hôm nay chúng tôi đã ghi nợ vào tài khoản quý khách
We advise that, as requested, we have today debited your account.

| | |
|---|---|
| Ngày giá trị (năm/tháng/ngày) : Value Date (yyyy/mm/dd) | 2021/05/13 |
| Tài khoản : Principal Debit Account No. | 3640 - VND - ORD - 248096 |
| Số tiền ghi nợ : Debit Amount | VND 6,000,000 — Tỷ giá : Exchange Rate — Số hợp đồng ngoại hối : FX Contract No. |
| Số tiền bằng chữ : Debit Amount in words | Sáu triệu đồng. |
| Tài khoản trích phí : Charge Debit Account No. | - - - |
| Phí / Thuế GTGT : Charge/VAT Amount (Trường hợp ĐVH chịu phí, số tiền này đã bao gồm trong số tiền ghi nợ /In Charge BEN case, this amount is included in Debit Amount) | Tỷ giá : Exchange Rate — Số hợp đồng ngoại hối : FX Contract No. |
| Phí / Thuế GTGT bằng chữ : Charge/VAT Amount in words | |
| Tham chiếu / Your Reference : | SO TAI CHINH |
| Tài khoản người hưởng : Account of Beneficiary | 121000797979 |
| Người hưởng : Beneficiary | KHO BAC NHA NUOC TP. HO CHI MINH |
| Địa chỉ người hưởng : Address of Beneficiary | |
| Ngân hàng người hưởng : Bank of Beneficiary | CONG THUONG CN TP HCM |
| Về khoản / Remarks : | CTY NIDEC VN MST 0304227309 NOP PHAT VI PHAM HANH CHANH, STK 7111 1046<br>142 CHUONG 426 NDKT 4261 CQ QUAN LY THU SO TAI CHINH |
| Số bút toán / Entry No. : | 3640CMSA2129636 — Số lượng giao dịch : Number of Transactions |
| Số nhóm bút toán / Group No. : | Tên nhóm : Group Name |
| Số tiền chuyển : Bulk Amount (Tổng số tiền trường hợp thanh toán theo nhóm/Lump sum amount in case of bulk payment) | VND 6,000,000 |

Chi tiết về phí ngân hàng /Details of bank charges :
Phí / thuế GTGT bằng tiền đồng theo Biểu phí chuyển tiền trong nước
/Charge/VAT amount in VND is described as per Tariff for Domestic Remittance. :
Đây không phải là hóa đơn tính thuế /(This is not VAT invoice)

| Loại phí Type of Charges | Loại tiền Currency | Số tiền Amount |
|---|---|---|
| Phí dịch vụ / COM | | |
| Thuế GTGT / VAT | | |

<<Chứng từ này được ký bằng chữ ký điện tử bởi Ngân hàng MUFG Bank, Ltd. - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh đối với trường hợp gửi bằng thư điện tử.>>
<<This document has been digitally signed by MUFG Bank, Ltd., Ho Chi Minh City Branch in case of e-mail confirmation dispatch.>>